

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 22.../TB-HĐQT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Tên công ty: **Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI**

Mã chứng khoán: CLH

Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0208 3829154 Fax: 0208 3829056

Địa chỉ Website: ximanglahien.com.vn

Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường Yêu cầu Khác

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.
2. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

(Có biên bản họp và Nghị quyết Đại hội chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu HĐQT;VT.

Ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Q. GIÁM ĐỐC



Trần Quang Khải

Số: 3.0.../NQ-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần xi măng La Tiên VVMI ngày 12 tháng 4 năm 2022 dưới sự chủ tọa của Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

Tham dự đại hội có 34 vị cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho 9.363.700 cổ phần, bằng 78,03 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Với tinh thần làm việc khẩn trương và trách nhiệm, đại hội đã tập trung giải quyết từng nội dung trong chương trình nghị sự và thống nhất quyết nghị như sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI nhất trí thông qua:

1. Báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	Thực hiện năm 2021	% TH/KH
1	2	3	4	5	6=5/4*100
A	Chỉ tiêu hiện vật				
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	805.916,11	108,91
1	Xi măng	"	690.000	726.077,02	105,23
2	Clinker thương phẩm	"	50.000	79.839,09	159,68
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	740.000	805.916,11	108,91
-	Xi măng	"	690.000	726.077,02	105,23

-	Clinker thương phẩm	"	50.000	79.839,09	159,68
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	653.063,41	734.621,66	112,49
-	Xi măng	"	619.974,92	679.764,00	109,64
-	Clinker thương phẩm	"	30.454,54	51.312,71	168,49
-	Doanh thu, thu nhập khác	"	2.633,95	3.544,95	134,59
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	39.500	68.383,37	173,12
D	Cổ tức	%	15	35	233,00
G	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	37.494	53.367,42	142,34
E	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân	Người	573	552	96,34
2	Tiền lương bình quân	đ/n/th	10.907.000	14.469.227	132,66

1.2. Phương hướng kế hoạch năm 2022:

* Kế hoạch SXKD năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	740.000
2	Doanh thu	Triệu đồng	680.279
3	Nộp NS nhà nước	Triệu đồng	42.584
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	56.000
5	Trả cổ tức	%	25
6	Lao động thực tế	Người	552
7	Thu nhập bình quân	Đồng/ng/tháng	11.750.000

- Giao cho HĐQT Công ty chủ động điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 cho phù hợp với thực tế sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên đảm bảo không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế hoạch được giao.

* Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Chuẩn bị đầu tư (1+2):			910
1	Lập dự án cải tạo tháp trao đổi nhiệt lò 2	HT	1	860
2	Lập BCKTKT Trạm cân 120 tấn	HT	1	50
II	Dự phòng (1+2+3):			16.053
1	Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn (tạm tính 50%)	HT	1	835
2	Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II	HT	1	6.953
2.1	Thiết bị			6.901

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
2.2	Kiểm toán			52
3	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022.			8.266
3.1	Thiết bị quang phổ huỳnh quang tia X	Cái		4.556
3.2	Máy xúc đảo bánh lớp dung tích gầu $\geq 1m^3$	Cái		3.650
3.3	Kiểm toán			60
	Tổng cộng (I+II)			16.963

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS.

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã được kiểm toán.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức năm 2021 theo biểu sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	63.324.194.733
	Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang	"	8.836.051.880
	- Lợi nhuận năm nay	"	54.488.142.853
2	Trích lập các quỹ	"	
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	"	9.042.509.999
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1,8 tháng lương bq)	"	11.942.618.734
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2021 của Công ty	Đồng	79.762.188.944
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	"	6.646.849.078
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	1,80
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (b4=b2*b3)	Đồng	11.942.618.734
	Trong đó:		
b4.1	Quỹ khen thưởng (=b4 x 30%)	Đồng	3.582.785.620
b4.2	Quỹ phúc lợi (=b4*70%)	Đồng	8.359.833.114
c	Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương viên chức quản lý và phụ cấp quản lý không chuyên trách)	"	339.066.000
c1	Quỹ lương thực hiện BQ 1 tháng của NQL DN năm 2021	Đồng	226.044.000

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
c2	Số tháng lương được trích tối đa (1.5 tháng lương)	Tháng	1,50
c3	Mức trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp (c3=c1*c2)	Đồng	339.066.000
3	Phương án trả cổ tức năm 2021		
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHĐCĐ	%	15,00
b	Tỷ lệ trả cổ tức	%	35,00
c	Số tiền trả cổ tức	Đồng	42.000.000.000
4	Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên	Đồng	0

6. Quyết toán việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021; phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022.

+ Thù lao cho HĐQT, BKS thực hiện năm 2021:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện (đồng)
1	Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	89.107.200
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	74.880.000
3	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	74.880.000
4	Hà Văn Chuyển	Thành viên HĐQT	74.880.000
5	Trịnh Quốc Bình	Thành viên HĐQT	74.880.000
6	Hoàng Thị Thúy	Ủy viên BKS	67.766.400
7	Phạm Đình Tuấn (4T)	Ủy viên BKS	22.588.800
8	Trần Thu Hương (8T)	Ủy viên BKS	45.177.600
	Tổng cộng		524.160.000

+ Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 (Mức chi trả thù lao là 20% mức tiền lương của VCQL, căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các VCQL được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng) dự kiến như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	KH (đồng/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	
3	Ủy viên BKS	2	4.000.000	

7. Thông qua lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

8. Thông qua hợp đồng mua bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng mua bán lớn (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp).

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam năm 2022 như sau:

+ Tổng sản lượng than dự kiến cho KHSX năm 2022 là: **85.000 tấn**

- Giao cho giám đốc công ty phần xi măng La Hiên VVMI quyết định ký kết hợp đồng kinh tế với người có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI thông qua toàn văn tại Đại hội.

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ sau khi kết thúc Đại hội.

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết này và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết này. ✓

Nơi nhận:

- UBCKNN (thay B/cáo);
- Cty CP CK QT Việt Nam (02b)
- Công bố TT trên Website Cty;
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Giám đốc Công ty;
- Cổ đông của Cty;
- Lưu: VP, HĐQT. ✓

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Đỗ Huy Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số: 05.../BB-ĐHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 4 năm 2022

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 20 phút, ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở: Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Địa chỉ trụ sở: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Mã số doanh nghiệp số: 4600422240

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

I. Thành phần dự Đại hội gồm có:

A/ Hội đồng quản trị Công ty gồm có:

- Ông: Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông: Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT Công ty
- Ông: Hà Văn Chuyên - Thành viên HĐQT Công ty
- Bà: Lê Thị Thu Hiền - Thành viên HĐQT Công ty

B/ Ban Kiểm Soát Công ty gồm có:

- Ông: Phạm Trung Hợp - Trưởng Ban kiểm soát Công ty
- Bà: Hoàng Thị Thúy - Thành viên Ban kiểm soát
- Bà: Trần Thu Hương - Thành viên Ban kiểm soát

C/ Cổ đông tham dự Đại hội:

Thời điểm khai mạc Đại hội vào lúc 08 giờ 20 phút, có 33 vị Cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho 9.354.980 cổ phần, bằng 77,96 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

D/ Chủ tọa Đại hội gồm:

- Ông: Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tọa
- Ông: Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Q Giám đốc - Thành viên

E/ Chủ tọa Đại hội đã chỉ định thư ký để giúp Chủ tọa điều hành Đại hội gồm:

- Ông: Lê Xuân Tình - Thư ký HĐQT Công ty - Thư ký Đại hội
- Ông: Tống Thanh Sơn - Trưởng phòng KHVT Công ty - Thành viên

II. Nội dung và diễn biến của Đại hội:

Đại hội đã diễn ra theo trình tự và bao gồm những nội dung sau đây:

1. Ông Nguyễn Văn Vượng - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông đã đọc báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông trước khi khai mạc Đại hội và công bố **33** vị cổ đông có mặt đủ tư cách tham dự Đại hội. Những cổ đông có mặt sở hữu và đại diện cho **9.354.980** cổ phần, bằng **77,96 %** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ khoản 1 điều 145 Luật doanh nghiệp số 59 năm 2020 và khoản 1 điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, thì Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty đã hội đủ các điều kiện để tiến hành Đại hội theo đúng quy định của pháp luật.

Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.354.980 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*

*** Tại thời điểm 08 giờ 25 phút, có thêm 01 Cổ đông tham dự, tổng số cổ đông tham dự là 34 Cổ đông, sở hữu và đại diện cho 9.363.700 cổ phần, bằng 78,03 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.**

2. Chủ tọa Đại hội trình bày và thông qua các nội dung trước khi tiến hành đại hội như sau:

2.1. Thông qua chương trình Đại hội, hướng dẫn thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình của Đại hội

Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tọa, trình bày chương trình đại hội và lấy ý kiến biểu quyết thông qua chương trình Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.363.700 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*

2.2 Thông qua quy chế Đại hội

Ông Hà Văn Chuyên - Ủy viên HĐQT trình bày quy chế đại hội, Chủ tọa lấy ý kiến biểu quyết thông qua nội dung quy chế đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.363.700 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

3. Trình bày các báo cáo, tờ trình trong Đại hội:

Sau khi thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội, Chủ tọa Đại hội đã điều hành để Đại hội nghe báo cáo các nội dung như sau:

3.1. Báo cáo của Giám Đốc Công ty về kết quả hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Quyền Giám đốc Công ty trình bày nội dung báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022.

3.2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022:

Đại hội đã nghe Ông Hà Văn Chuyển - Thành viên HĐQT Công ty, trình bày nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022.

3.3. Báo cáo của Ban kiểm Soát về hoạt động của Công ty năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng BKS Công ty, trình bày nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

3.4. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán:

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kế toán trưởng Công ty, báo cáo tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán (*Đính kèm nội dung báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán*).

3.5. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kế toán trưởng Công ty, báo cáo tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

3.6. Tờ trình thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022:

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kế toán trưởng Công ty, báo cáo tờ trình thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022.

3.7. Tờ trình thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng ban kiểm soát Công ty, trình bày tờ trình về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

3.8. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2022:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Quyền Giám đốc Công ty, trình bày tờ trình về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2022.

3.9. Tờ trình thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Quyền Giám đốc Công ty, trình bày tờ trình thông qua hợp đồng giao dịch với người có liên quan của công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022.

4. Thảo luận, thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội:

4.1. Thảo luận:

- Tại thời gian trước ĐHCĐ năm 2022 Công ty nhận được 2 ý kiến của 2 nhóm cổ đông. Thay mặt Công ty Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành trả lời ý kiến bằng văn bản và gửi cho cổ đông.

4.1.1. Ý kiến cổ đông STT 32:

- Trong kế hoạch 2021, tiêu thụ Clinker là 50.000 tấn tuy nhiên khi thực hiện trong năm 2021 tiêu thụ ~ 80.000 tấn, việc này làm giảm doanh thu đề nghị Công ty bám sát kế hoạch để điều hành giảm tiêu thụ Clinker, tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Giá bán của xi măng tăng từ đầu năm 2022; giá nhiên liệu (than) tăng giá; từ 01/02/2022 thuế GTGT đang từ 10 % giảm xuống 8 %, theo tính toán tăng giá bán so với kế hoạch từ 120.000 đồng - 130.000 đồng/tấn, điều này sẽ tăng lợi nhuận so với kế hoạch đề nghị Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 dựa trên giá bán thực tế.

* Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội trả lời:

- Công ty đã cân đối giữa sản lượng sản xuất và tiêu thụ tại từng thời điểm, khi lượng tiêu thụ chậm, sản lượng Clinker tồn lớn, nếu để Clinker tồn kho lâu ngày sẽ làm giảm phẩm cấp chất lượng Clinker, do đó trong năm 2021 Công ty đã chủ động bán Clinker dư thừa với giá bán tốt và mang lại hiệu quả.

- Trong năm 2022 Hội đồng quản trị, chỉ đạo Ban điều hành, tập trung chủ đạo là ưu tiên tiêu thụ xi măng tại thị trường mang lại hiệu quả cao nhất là thị trường Thái Nguyên, chỉ bán Clinker khi sản lượng Clinker tồn kho nhiều và có giá bán tốt để đảm bảo hiệu quả SXKD.

- Khi xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022, Công ty đã căn cứ vào giá bán xi măng, giá bán Clinker và giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tại thời điểm quý 4 năm 2021, để xây dựng.

- Về hợp đồng than, HĐQT đã thông qua việc ký hợp đồng mua than 6 tháng đầu năm 2022 để duy trì sản xuất, giá bán sản phẩm và giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào luôn luôn biến động theo thị trường (lúc tăng, lúc giảm), Hội đồng quản trị, giao cho Bộ máy điều hành, tập trung quản lý, điều hành khoán quản trị tốt để tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận.

4.1.2. Ý kiến cổ đông STT 30:

- Đồng tình nhất trí với ý kiến của Chủ tịch HĐQT Công ty, là giao cho Ban điều hành chủ động điều hành sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả SXKD cao nhất.

- Khi HĐQT giao kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, cho Ban điều hành, đề nghị Ban kiểm soát phải thực hiện theo dõi, kiểm soát.

- Thị trường tiêu thụ xi măng cạnh tranh khốc liệt, do vậy giá bán xi măng phải tuân thủ theo cơ chế của thị trường, cân đối đảm bảo sản lượng tiêu thụ sản phẩm xi măng và Clinker phù hợp để đạt hiệu quả cao nhất.

* Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội trả lời:

- Công ty cổ phần là Công ty có kết cấu rất chặt chẽ bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông; HĐQT; Ban kiểm soát; Ban kiểm soát có đại diện 3 thành phần, trong đó có 2 thành phần pháp nhân và 1 thành phần thể nhân, Ban kiểm soát, định kỳ hàng quý kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động SXKD và 6 tháng kiểm toán độc lập theo đúng quy định. Đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát chặt chẽ giúp HĐQT và Ban điều hành thực hiện tốt kế hoạch SXKD 2022 đạt hiệu quả cao nhất đáp ứng sự kỳ vọng của Cổ đông.

4.1.3. Ý kiến cổ đông STT 33:

- Hiện tại sản lượng than mà Tập đoàn TKV khai thác không đủ để cung ứng cho thị trường, do vậy liệu có tình trạng không cung cấp đủ than cho nhà máy hoạt động không ?

* Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội trả lời:

- Khi xây dựng nhà máy thì Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) cũng đã xác định là đơn vị cung cấp than đủ cho Công ty duy trì hoạt động, hiện nay đơn vị cung cấp than là tại Công ty than Khánh Hòa - VVMI, do đó cung độ vận chuyển ngắn, sản phẩm than phù hợp với quá trình hoạt động của dây chuyền sản xuất của Công ty. Do vậy TKV sẽ ưu tiên đảm bảo cung cấp đủ sản lượng cho nhà máy duy trì hoạt động.

4.2. Biều quyết thông qua:

4.2.1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

* Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ *Tán thành: 9.363.700 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

4.2.2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động của Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 9.363.700 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

4.2.3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 9.363.700 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

4.2.4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 9.134.800 cổ phần, chiếm 97,55 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 228.900 cổ phần, chiếm 2,45 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

4.2.5. Thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 9.363.700 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

4.2.6. Thông qua phương án lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.363.700 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

4.2.7. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2022.

- * Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.134.800 cổ phần, chiếm 97,55 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 228.900 cổ phần, chiếm 2,45 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

4.2.8. Thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng giá trị trên 35% tổng giá trị TSDN của Công ty để phục vụ SXKD năm 2022.

- * Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

Sau khi loại trừ số phiếu biểu quyết của người có liên quan **6.165.960 CP**, kết quả biểu quyết thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan, giá trị lớn với tổng số cổ phần **3.197.740 CP** biểu quyết tại ĐH như sau:

- ✓ *Tán thành: 3.197.740 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

III. Thông qua nghị quyết, biên bản và bết mạc đại hội

1. Ông Lê Xuân Tình - Thư ký Đại hội đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

- * Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng biểu quyết thông qua nội dung trên.

- Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022:

- ✓ *Tán thành: 9.363.700 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

2. Ông Lê Xuân Tình - Thư ký đại hội đọc dự thảo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

- * Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng biểu quyết thông qua nội dung trên.

- Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022:

✓ *Tán thành: 9.363.700 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

Biên bản này được thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua.

3. Ông Trần Quang Khải - Chủ tọa phát biểu cảm ơn và bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2022, kết thúc vào hồi 12 giờ 30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Lê Xuân Tình

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Đỗ Huy Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM





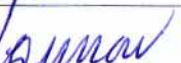

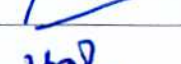



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

La Hiên, ngày 12 tháng 04 năm 2022



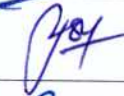
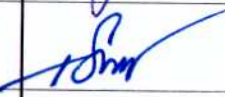

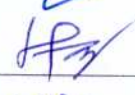
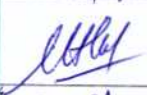
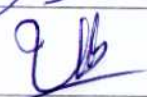
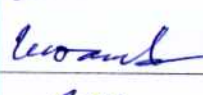
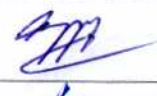

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

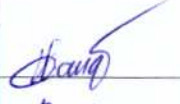
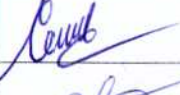
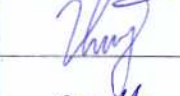



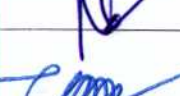

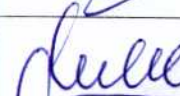


Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
01	ĐỖ HUY HÙNG	1.800	6.165.960	6.167.760	022062000339	14/03/2016	Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư		Đỗ Huy Hùng
2	LÊ THỊ THU HIỀN	513.800		513.800	090656943	03/04/2019	CA Thái nguyên		Lê Thị Thu Hiền
3	LÊ BÁ CHỨC	18.840		18.840	090590490	05/10/2015	CA Thái nguyên		Lê Bá Chức
4	NGUYỄN ANH TUẤN	3.120		3.120	090705808	06/05/2016	CA Thái nguyên		Nguyễn Anh Tuấn
5	TRẦN QUANG KHẢI	204.680		204.680	019073008808	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Trần Quang Khải
6	PHẠM MẠNH TIỀN	58.320		58.320	090594547	28/05/2015	CA Thái nguyên		Phạm Mạnh Tiên
7	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	61.680		61.680	019188006028	09/05/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thị Thu Hoài
8	NGUYỄN QUANG LÂM	36.480		36.480	03007313066	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Quang Lâm
9	LÊ XUÂN TÌNH	16.400		16.400	001072037055	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Lê Xuân Tình
10	ĐỖ VĂN NGHỊ	16.080		16.080	036078013313	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Đỗ Văn Nghị

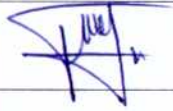
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022****Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI**

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
11	HỒ NGỌC LONG	29.520		29.520	090678266	18/01/2015	CA Thái nguyên		Hồ Ngọc Long
12	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	59.280		59.280	090508515	23/05/2015	CA Thái nguyên		Nguyễn Thanh Trường
13	PHẠM TRUNG HỢP	21.000		21.000	090679288	26/09/2009	CA Thái Nguyên		Phạm Trung Hợp
14	TÔNG THANH SƠN	19.320		19.320	090684986	20/05/2020	CA Thái nguyên		Tông Thanh Sơn
15	TRỊNH THỊ BÌNH	31.800		31.800	019174002168	29/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Trịnh Thị Bình
16	NGUYỄN THỊ VIỆT HOA	133.560		133.560	090705878	13/11/2014	CA Thái nguyên		Nguyễn Thị Việt Hoa
17	VŨ MẠNH HẢI	16.560		16.560	090756700	02/02/2015	CA Thái nguyên		Vũ Mạnh Hải
18	NÔNG DUY HIỆP	12.240		12.240	019080001727	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nông Duy Hiệp
19	LÊ HUY HOÀNG	64.200		64.200	090649254	09/06/2016	CA Thái nguyên		Lê Huy Hoàng
20	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	5.400		5.400	026066003807	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Văn Vượng
21	ĐỖ TRUNG KIÊN	2.060		2.060	090687914	27/07/2011	CA Thái nguyên		Đỗ Trung Kiên

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022****Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI**

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
22	NGUYỄN THỊ HẰNG	3.720		3.720	001173034353	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thị Hằng
23	TRẦN ĐỨC MẠNH	2.820		2.820	090672554	24/05/2008	CA Thái nguyên		Trần Đức Mạnh
24	HOÀNG THỊ THÚY	752.020		752.020	090649113	08/06/2006	CA Thái nguyên		Hoàng Thị Thúy
25	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	8.880		8.880	019164006023	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Văn Hường
26	LÊ QUANG GIÁP	645.540		645.540	042073009826	25/06/21	Cục CSQLHC về trật tự XH		Lê Quang Giáp
27	KHUẤT CAO KHUÊ	10.400		10.400	001095023512	19/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Khuất Cao Khuê
28	NGÔ NGỌC SƠN	135.600		135.600	027061002736	10/07/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Ngô Ngọc Sơn
29	HÀ QUANG TIỀN	12.000		12.000	091576396	03/10/2020	CA Thái nguyên		Hà Quang Tiên
30	NGUYỄN VĂN QUÊ	24.000		24.000	025048000042	10/07/2021	Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư		Nguyễn Văn Quê
31	VŨ ĐÌNH LÊN	24.000		24.000	030060008567	29/11/2021	Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư		Vũ Đình Lên
32	ĐÌNH QUANG VƯỢNG	228.900		228.900	036089005703	10/07/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Đình Quang Vượng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022****Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI**

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
33	PHAN NGỌC SƠN	15.000		15.000	00109609349	25/08/2020	Cục CSQLHC về trật tự XH	Sơn	Phan Ngọc Sơn
34	NGUYỄN NGỌC TRUNG	8.720		8.720	019089001191	13/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Ng. Ngọc Trung
	TỔNG CỘNG:	3.197.740	6.165.960	9.363.700					78,03

Bằng chữ: Chín triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số: 17/BC-ĐHĐCĐ.2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2022

DỰ THẢO

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số: 15/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2021, quyết định của HĐQT Công ty số 17/QĐ-HĐQT, ngày 26/04/2021 về việc giao kế hoạch SXKD năm 2021. Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI Báo cáo về kết quả SXKD năm 2021 và nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI cụ thể như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2021**

I/ Đặc điểm tình hình

1- Thuận lợi

Sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của đội ngũ cán bộ và tập thể người lao động đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2021.

2- Khó khăn

Kinh tế - xã hội năm 2021 của nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Trong nước dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam.

Năm 2021 thị trường tiêu thụ xi măng nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm của xi măng La Hiên đang cạnh tranh quyết liệt với nhiều các thương hiệu xi măng khác như xi măng Quang Sơn, Long Sơn, Thành Thắng, Xuân Thành, Visai, Pomihóa ...vv tại các thị trường chính như Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng. Do vậy,

thị phần tiêu thụ sản phẩm xi măng La Hiên đã và đang ảnh hưởng bởi các thương hiệu xi măng nói trên làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của Công ty.

- Hệ thống thiết bị 02 dây chuyền sản xuất nằm trong tình trạng lạc hậu, năng suất thấp như hệ thống ghi lạnh, máy nghiền xi măng, máy đóng bao, hệ thống đo đếm tín hiệu điều khiển, Hệ thống thiết bị phân tích chất lượng sản phẩm, Hệ thống điều khiển tự động hóa (DCS)... cần có sự cải tiến để tăng năng suất thiết bị và chất lượng sản phẩm.

II/ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2021

1- Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	Thực hiện năm 2021	% TH/KH
1	2	3	4	5	6=5/4*100
A	Chỉ tiêu hiện vật				
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	805.916,11	108,91
1	Xi măng	"	690.000	726.077,02	105,23
2	Clinker thương phẩm	"	50.000	79.839,09	159,68
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	740.000	805.916,11	108,91
-	Xi măng	"	690.000	726.077,02	105,23
-	Clinker thương phẩm	"	50.000	79.839,09	159,68
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	653.063,41	734.621,66	112,49
-	Xi măng	"	619.974,92	679.764,00	109,64
-	Clinker thương phẩm	"	30.454,54	51.312,71	168,49
-	Doanh thu, thu nhập khác		2.633,95	3.544,95	134,59
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	39.500	68.383,37	173,12
D	Cổ tức (dự kiến)	%	15	35	233
G	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	37.494	53.367,42	142,34
E	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân	Người	573	552	96,34
2	Tiền lương bình quân	đ/n/th	10.907.000	14.469.227	132,66

2- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 do sự bùng phát dịch covid-19 trở lại ở một số tỉnh, thành phố. Thực hiện theo chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch covid-19, thực hiện giãn cách xã hội hạn chế về giao thông đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của xi măng La Hiên tại một số thị trường như: (Vĩnh Phúc; Bắc Kạn; Lạng Sơn; Bắc Giang; Hà Nội so với cùng kỳ năm 2020).

Mặt khác thị trường xuất khẩu không ổn định, tăng giảm thất thường dẫn đến giá các loại xi măng trên thị trường biến động luôn có xu hướng giảm giá, đã làm ảnh hưởng lớn đến thị trường tiêu thụ của công ty.

Trong bối cảnh trên ngay từ những tháng đầu năm, nắm bắt được thị trường sẽ có nhiều diễn biến phức tạp, Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã khắc phục khó khăn, tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban lãnh đạo Công ty luôn sát sao trong việc điều hành kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, Công ty đã đưa ra những chính sách phù hợp, từ đó đã giữ vững và ổn định được thị trường tiêu thụ nhất là đối với thị trường truyền thống, tăng sản lượng tiêu thụ xi măng bao, tăng doanh thu bán hàng đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2021 sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 805.916,11 tấn/KH 740.000 tấn bằng 108,91% ; doanh thu đạt 734.621,66 trđ/KH 653.063,41 trđ bằng 112,49%, lợi nhuận trước thuế đạt 68.383,38 trđ/KH 39.500 trđ bằng 173,12%.

Năm 2021 Ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được giao.

Để có được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty đã thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất phù hợp và đạt được kết quả ở các lĩnh vực chủ yếu như: công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện- an toàn môi trường; công tác khoán quản trị; công tác tài chính kế toán; công tác tổ chức lao động...

Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều hoàn thành vượt mức so với kế hoạch, đồng thời Ban điều hành tiếp tục vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại lợi nhuận tốt hơn so với kế hoạch đề ra. Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2021 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đề ra, sản xuất được duy trì ổn định; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo và tăng cao.

3- Dự án đầu tư thực hiện trong năm 2021 bao gồm:

- Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2021 Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư chuyển tiếp và dự án đầu tư ghi trong kế hoạch năm, các dự án đã được triển khai và thực hiện cụ thể như sau:



a) Công trình chuyển tiếp: Gồm: 02 máy nén khí 160kW; 01 thiết bị phân tích chất lượng clinker.

+ Máy nén khí (02 cái): đã hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng ngày 27/9/2021 với giá trị: 2,780 tỷ đồng.

+ Thiết bị phân tích chất lượng Clinker (01 chiếc): Đã dùng đầu tư theo Quyết định số 46/QĐ-HĐQT ngày 11/10/2021.

+ Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn: Đã hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng ngày 27/1/2021 với giá trị quyết toán công trình là: 3,564 tỷ đồng.

b) Công trình khởi công mới: Kho chứa nguyên vật liệu xi, thạch cao.

- Đã hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng ngày 02/11/2021 với giá trị là. 3,348 tỷ đồng.

c) Công trình chuẩn bị đầu tư.

- Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II: Nhà thầu đã khảo sát và đang lập phương án kỹ thuật.

- Dự án đầu tư quạt gió nhiệt độ cao lò 2 và dự án đầu tư cải tạo tháp trao đổi nhiệt lò 2: Do dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp nên chưa tiếp xúc được với nhà thầu tư vấn khảo sát lập dự án.

4- Tình hình công tác quản lý kế toán, tài chính

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Đồng thời cũng làm tốt công tác trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch giao. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty luôn được bảo toàn và tăng trưởng tốt, các hệ số tài chính được cải thiện rõ rệt.

5- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiết giảm lao động tuyệt đối 09 người do chấm dứt hợp đồng lao động kể từ đầu năm đến thời điểm 31/12/2021 tổng số lao động còn 548 người.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động

sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

PHẦN THỨ HAI

NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

I/ Đặc điểm tình hình:

Năm 2022 tình hình quốc tế, trong nước dự báo có những thời cơ thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, đặc biệt tác động của đại dịch COVID-19 làm kinh tế thế giới rơi vào suy thoái kéo dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế nước ta. Dự báo năm 2022 giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất tăng cao, tình hình dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến sức tiêu thụ do nhu cầu giảm, thị trường tiêu thụ xi măng cạnh tranh rất khốc liệt, thị trường xuất khẩu không ổn định, tăng giảm thất thường do cung vượt cầu, khó khăn và thách thức đối với Công ty là rất lớn.

Trong bối cảnh đó đòi hỏi chúng ta (toàn thể CNVC và NLĐ) tiếp tục nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022 tạo tiền đề thuận lợi cho Công ty bước vào giai đoạn phát triển mới.

II/ Nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành:

1- Nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2022:

Bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đề ra, giao kế hoạch cụ thể cho các phòng ban phân xưởng theo từng tháng, quý để đảm bảo hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu đó được tốt nhất và mang lại hiệu quả cao nhất.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	

2022
KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT
/MI
THÁNG

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Ghi chú
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	680.279	
1	Xi măng	Tr.đ	643.389	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	31.818	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	5.072	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	56.000	
D	Cổ tức	% / vốn điều lệ	25,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	42.584	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động thực tế	Người	552	
2	Tiền lương bình quân	trđ/ng/thg	11,750	

2 - Nhiệm vụ thực hiện công tác đầu tư xây dựng:

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2022: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **16.963** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

ĐVT: tr.đồng

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Chuẩn bị đầu tư (1+2):			910
1	Lập dự án cải tạo tháp trao đổi nhiệt lò 2	HT	1	860
2	Lập BCKTKT Trạm cân 120 tấn	HT	1	50
II	Dự phòng (1+2+3):			16.053
1	Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn (tạm tính 50%)	HT	1	835
2	Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II	HT	1	6.953
2.1	Thiết bị			6.901
2.2	Kiểm toán			52
3	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022.			8.266
3.1	Thiết bị quang phổ huỳnh quang tia X	Cái		4.556

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
3.2	Máy xúc đào bánh lốp dung tích gầu $\geq 1m^3$	Cái		3.650
3.3	Kiểm toán			60
	Tổng cộng (I+II)			16.963

3- Về các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành:

- Bám sát các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 mà ĐHCĐ đã thông qua và HĐQT triển khai thực hiện theo từng quý để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Có kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị 2 dây chuyền sản xuất khắc phục tối đa những sự cố thiết bị dây chuyền, trọng tâm là sửa chữa lớn các hạng mục chính đảm bảo điều kiện tốt nhất cho dây chuyền hoạt động tối đa. Nghiên cứu thay thế thiết bị dây chuyền 2 đã lạc hậu về kỹ thuật năng suất thấp; Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker sản xuất.

- Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cải tiến và hoàn thiện từng công đoạn sản xuất trong 02 dây chuyền lò quay xi măng loại bỏ thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả.

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Quản lý tốt công tác khoán quản trị, giao chi phí sản xuất chặt chẽ, sát với tình hình thực tế đảm bảo cụ thể, hiệu quả phù hợp giá thành sản xuất. Cung ứng kịp thời, đầy đủ về chủng loại, đảm bảo chất lượng, hợp lý về giá cả vật tư phụ tùng phục vụ sản xuất, có kế hoạch dự trữ vật tư cho SXKD hợp lý giúp quản lý tốt chỉ tiêu tồn kho vật tư, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn kinh doanh.

- Luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Nhạy bén, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả đồng vốn. Thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.



- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội và động cơ cho đầu tư phát triển và tái cơ cấu lao động. Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm, các kỹ sư công nghệ, chuyên viên kinh tế tạo nguồn nhân lực lâu dài phục vụ sản xuất.

- Tiếp tục đào tạo, tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Cải tạo mặt bằng, đường giao thông nội bộ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho NLĐ.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể cùng góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động SXKD năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022.

Kính trình đại hội!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;BKS;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.



Trần Quang Khải

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2022

DỰ THẢO

**BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông;

Hội đồng quản trị xin báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2021 và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2022 như sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện chi trả thù lao và tiền thưởng cho các Thành viên HĐQT năm 2020 theo nghị quyết của Đại Hội đồng thường niên năm 2021 với biểu chi tiết sau:

Dvt: đồng

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT	11.138.400	89.107.200	100.245.600
2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT	780.000	74.880.000	75.660.000
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT	6.240.000	74.880.000	81.120.000
4	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT	9.360.000	74.880.000	84.240.000
5	Trịnh Quốc Bình	TV HĐQT	9.360.000	74.880.000	84.240.000
	Tổng cộng:		36.878.400	388.627.200	425.505.600

b) Thực hiện chi trả thù lao năm 2021 như sau:

Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được chi trả theo hình thức tạm ứng hàng tháng với mức 80% mức chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường năm 2021; sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

thông qua mức chi trả tiền thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT năm 2021; thì HĐQT công ty căn cứ để thực hiện chi trả.

Trong năm 2021 các thành viên HĐQT đã được tạm ứng thù lao như sau:

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT		45.696.000	45.696.000
2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
4	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
5	Trịnh Quốc Bình	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
	Tổng cộng:			199.296.000	199.296.000

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 phiên họp trực tiếp, 8 phiên họp gián tiếp (bằng hình thức trực tuyến và xin ý kiến); đã ban hành 59 nghị quyết, quyết định (13 Nghị quyết, 36 quyết định) về các vấn đề chiến lược, các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Các phiên họp đều có sự tham dự họp và đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban giám đốc công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đã thực hiện theo đúng điều lệ; thành phần tham dự họp HĐQT được tham dự đầy đủ; tài liệu cung cấp cho các thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ và đúng thời gian quy định; các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình trong việc biểu quyết thông qua các vấn đề trong nghị quyết cuộc họp.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2021 Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan như sau:

DVT: đồng

Số TT	Số hợp đồng	Ngày ký	Tên đơn vị	Hàng hóa	Giá trị hợp đồng	Giá trị thực hiện năm 2021
A	HỢP ĐỒNG MUA					163.864.335.000
I	Nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ					163.864.335.000

Số TT	Số hợp đồng	Ngày ký	Tên đơn vị	Hàng hóa	Giá trị hợp đồng	Giá trị thực hiện năm 2021
1	Hợp đồng số:360/HĐ/TKV-XMLH,	30/12/2020	Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	Mua than cám 5a6	35.300.000.000	24.890.439.480
2	Hợp đồng số 091/HĐ/TKV-XMLH	29/3/2021	Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	Mua than cám 5a6	35.300.000.000	32.370.198.840
3	Hợp đồng số 149/HĐ/TKV-XMLH	30/6/2021	Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	Mua than cám 5a6	63.540.000.000	61.693.089.880
4	Hợp đồng số 4048/HĐMB-TKH-XMLH	31/12/2020	Công ty than Khánh Hòa VVMI	Mua đá thải sau tuyển nước	3.640.000.000	3.437.170.800
5	Hợp đồng số 315/HĐKT-KHVT	24/9/2020	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Mua vò bao xi măng	18.700.995.600	10.490.032.000
6	Hợp đồng số 0125/HĐKT-KHVT	02/4/2021	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Mua vò bao xi măng	19.714.905.000	17.333.792.000
7	Hợp đồng số 380/HĐKT/KHVT	27/9/2021	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Mua vò bao xi măng	19.714.905.000	13.130.432.000
8	Hợp đồng số 323/HĐKT-KHVT	18/08/2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Tấm lót vách ngăn máy nghiền	422.415.000	391.500.000
9	Hợp đồng số 423/HĐKT-KHVT	05/11/2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Tấm ghi	130.896.000	127.680.000
B	HỢP ĐỒNG BÁN					46.843.702.303
1	Hợp đồng số 99/2021/HĐ-KDĐT	01/1/2021	Hợp tác xã Sản xuất - Dịch Vụ Hoàng Thịnh Phát	Bán xi măng	46.483.702.303	46.483.702.303
2	Hợp đồng số 321/HĐKT/KHVT	30/9/2020	Công ty CP xi măng Tân Quang VVMI	Cho thuê cân cấp liệu than	360.000.000	360.000.000

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập; thành viên HĐQT độc lập đã đứng vai trò độc lập trong việc tham gia biểu quyết các nghị quyết của HĐQT; bảo vệ quyền lợi và lợi ích của các cổ đông đặc biệt là lợi ích của cổ đông nhỏ lẻ; giám sát việc thực hiện quy chế trả lương; các hợp đồng với đối tượng liên quan; giám sát việc ban hành các quy chế hoạt động của công ty; năm 2021 thành viên HĐQT độc lập đánh giá HĐQT công ty đã đoàn kết tốt; sát sao trong

việc lãnh đạo và chỉ đạo bộ máy điều hành biết tận dụng cơ hội trong kinh doanh, tiết kiệm chi phí; hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt.

5. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT

Nhìn chung năm 2021, Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ vai trò của mình, luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công; đoàn kết, hợp tác giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ và xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, cụ thể như sau:

5.1. Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT:

Là người đứng đầu và chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Công ty, chỉ đạo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật, Quy chế hoạt động của HĐQT và tổ chức phân công nhiệm vụ cho các uỷ viên HĐQT;

Luôn chủ trì phân công các uỷ viên HĐQT chuẩn bị nội dung họp và kết luận về những nội dung thảo luận trong phiên họp HĐQT, xem xét kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT; việc xây dựng chủ trương, định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; chương trình đầu tư các dự án, phương án điều chỉnh vốn và các nguồn lực, phương án tổ chức sản xuất của Công ty;

Luôn sát sao theo dõi, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT, theo dõi, giám sát công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của giám đốc công ty và các công việc khác trong hoạt động SXKD thuộc chức năng của HĐQT.

Với vai trò là Chủ tịch HĐQT ông Đỗ Huy Hùng đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHCĐ đã đề ra.

Trong năm 2021 Ông Đỗ Huy Hùng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5.2. Uỷ viên HĐQT, Giám đốc Nguyễn Văn Dũng (Giám đốc đến 22/11/2021; UVHĐQT đến 29/12/2021)

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật Nhà nước về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, theo Điều lệ của công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, tổ chức trong mọi hoạt động SXKD tại Công ty và các nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

Ông Nguyễn Văn Dũng luôn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ. Là một lãnh đạo năng động, nhiệt tình, dám nghĩ, dám

làm và đưa ra nhiều quyết sách, những giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD và đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Với vai trò là là giám đốc điều hành ông Nguyễn Văn Dũng đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

Trong năm 2021 Ông Nguyễn Văn Dũng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5.3. Ủy viên HĐQT; Lê Thị Thu Hiền.

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao công tác Kế toán - Thống kê - Tài chính đảm bảo thực hiện đúng, đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đúng quy định của pháp luật. Đề xuất các lĩnh vực liên quan đến nguồn vốn, tín dụng, kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm nhất chi phí hoạt động tài chính của Công ty;

Bà Lê Thị Thu Hiền luôn nhiệt tình trong công việc, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, năng động, nhạy bén trong điều hành, phối hợp với các phòng ban chức năng đảm bảo tốt công tác bán hàng và thu hồi công nợ; thận trọng trong xây dựng điều hành việc thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư xây dựng, các quy chế quản lý và các lĩnh vực khác trong hoạt động của Công ty, thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước và các các nhiệm vụ khác của HĐQT; Góp phần tích cực thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

Với vai trò được phân công đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

Trong năm 2021 Bà Lê Thị Thu Hiền đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5.4. Ủy viên HĐQT Hà Văn Chuyên

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao công tác nghiên cứu - mở rộng thị trường, phát triển - tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty; Kiểm tra, giám sát công tác cơ điện; Thẩm định các dự án đầu tư; các hợp đồng mua bán vật tư; mua bán tài sản thuộc diện HĐQT phê duyệt và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Hà Văn Chuyên luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những đề xuất, giải pháp trong thiết thực trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty.

Trong năm 2021 Ông Hà Văn Chuyên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5.5. Ủy viên HĐQT Trịnh Quốc Bình

22
19
PH
13L
/VN
T.T

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao việc thẩm định về tính pháp lý trong việc sửa đổi hoặc biên soạn mới Điều lệ; các quy chế quản lý trong công ty. Tham gia chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển Công ty và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Trịnh Quốc Bình luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những quan điểm, đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty.

Trong năm 2021 Ông Trịnh Quốc Bình đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5.6. Ủy viên HĐQT, Trần Quang Khải (UVHĐQT từ 29/12/2021, Quyền giám đốc từ ngày 22/11/2021):

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật Nhà nước về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, theo Điều lệ của công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, tổ chức trong mọi hoạt động SXKD tại Công ty và các nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

Ông Trần Quang Khải đã thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ, duy trì hoạt động SXKD ổn định và đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Trong năm 2021 Ông Trần Quang Khải đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị xin được trình trước đại hội.

6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty và người điều hành khác.

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý; hàng năm HĐQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý kết quả cụ thể như sau:

Bảng xếp loại giám đốc điều hành và cán bộ quản lý năm 2021.

TT	Họ và tên	Chức danh	Xếp loại năm 2021
1	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc (đến 22/11/2021)	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Trần Quang Khải	Q. Giám đốc (từ 22/11/2021)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
3	Lê Bá Chức	Phó giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
4	Phạm Mạnh Tiến	Phó giám đốc	Mới bổ nhiệm 15/10/2021

*** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

7. Kế hoạch năm 2022

Năm 2022 dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục xu hướng giảm; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng.

Đặc biệt trong đầu năm 2022 dịch bệnh Covid - 19 đang diễn biến phức tạp; tình hình lây lan dịch bệnh rất mạnh làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình lao động làm việc tại công ty, gây tình trạng thiếu lao động tại một số bộ phận sản xuất, ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Mặt khác do ảnh hưởng của cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine làm cho giá nguyên nhiên vật liệu không ngừng tăng cao gây ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của công ty.

Năm 2022 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt và có những diễn biến thay đổi khó lường, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HDQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2022 như sau:

a. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2022:



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	680.279	
1	Xi măng	Tr.đ	643.389	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	31.818	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	5.072	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	56.000	
D	Cổ tức %VĐL	%	25,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	42.584	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động thực tế	Người	552	
2	Tiền lương bình quân	trđ/ng/thg	11,750	

b. Công tác đầu tư xây dựng:

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2022: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **16.963** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

ST T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp			
II	Công trình khởi công mới			
III	Chuẩn bị đầu tư			910
1	Lập dự án đầu tư cải tạo tháp trao đổi nhiệt lò 2	HT	1	860
2	Lập BCKTKT Trạm cân 120 tấn	HT	1	50

ST T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
IV	Dự phòng			16.053
1	Dự án đầu tư trạm cân điện tử 120 tấn (tạm tính 50%)	HT	1	835
2	Dự án nâng cấp hệ thống tự động hóa (DCS) dây chuyền II	HT	1	6.953
	<i>Thiết bị</i>			<i>6.901</i>
	<i>Kiểm toán</i>			<i>52</i>
3	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022			8.266
	<i>Thiết bị quang phổ huỳnh quang tia X</i>	<i>Cái</i>	1	<i>4.556</i>
	<i>Máy xúc đào bánh lốp dung tích gàu $\geq 1,0 M3$</i>	<i>Cái</i>	1	<i>3.650</i>
	<i>Kiểm toán</i>			<i>60</i>
	Tổng cộng			16.963

c. Định hướng của Hội đồng quản trị:

1. Chỉ đạo ban điều hành có kế hoạch sửa chữa, đầu tư thay thế các máy móc thiết bị trong dây chuyền đảm bảo dây chuyền thiết bị được hoạt động thông suốt và bền vững. Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

2. Chỉ đạo ban điều hành tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như đá vôi, sét, đất cao si líc... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

3. Chỉ đạo ban điều hành luôn quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho người lao động.

4. Chỉ đạo ban điều hành tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền thống, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện

pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Chỉ đạo ban điều hành rà soát đánh giá kỹ công tác lao động - tiền lương, có lộ trình tăng năng suất lao động, tiết giảm lao động, tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật tốt để đào tạo nhân sự bền vững cho hoạt động của Công ty. Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với năng suất lao động và hiệu quả.

6. Chỉ đạo ban điều hành tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ.

7. Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; cũng như phù hợp với các quy chế, qui định của Công ty mẹ và các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

8. Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;BKS;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

Số: 06.../BC-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI theo Quyết định số 06/QĐ-BKS ngày 26/4/2021;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI năm 2021 đã được Ban kiểm soát Công ty thẩm tra và được Công ty TNHH kiểm toán PKF chấp thuận;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

1.1. Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh năm 2021 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra;

1.2. Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp để phân công và triển khai nhiệm vụ tới từng thành viên; đánh giá, thẩm định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm;

1.3. Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty; đề từ đó năm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của pháp luật cũng như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra;

1.4. Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Năm 2021 Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế như: Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quy chế quản lý vật tư; Quy chế quản lý Đầu tư và xây dựng; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế vay vốn CBCNV; Quy chế quản lý công nợ; Quy chế quản lý, phân phối sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quy chế tiêu thụ sản phẩm.

1.5. Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty cũng như Nghị quyết của ĐHCĐ;

1.6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định báo cáo tài chính quý, năm 2021 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF;

1.7. Hàng quý lập các báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát gửi Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo đúng quy định.

2. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:

Căn cứ vào nhiệm vụ của Ban kiểm soát và các chỉ tiêu tạm giao kế hoạch SXKD năm 2022 của HĐQT Công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát tại công văn số 01/CV-BKS ngày 10 tháng 01 năm 2022, tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

2.1. Soát xét lại tính hợp lý, hợp pháp của các Nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định, quy trình của Công ty; từ đó cùng với HĐQT, Ban điều hành sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị.

2.2. Kiểm tra, soát xét kế hoạch bố trí, tổ chức nhân sự và sắp xếp lao động năm 2022.

2.3. Kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính, công tác kế hoạch và mua sắm vật tư năm 2022, kế hoạch công tác bán hàng và tổ chức mạng lưới tiêu thụ năm 2022; kế hoạch huy động và sử dụng vốn năm 2022; kế hoạch huy động, sử dụng, bảo dưỡng, sử dụng máy móc thiết bị cơ điện năm 2022.

2.4. Kiểm soát công tác chuẩn bị, giám sát các nội dung chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

2.5. Kiểm tra, giám sát một số quy trình trong quản lý nội bộ, việc thực hiện một số chuyên đề trong quá trình SXKD.

2.6. Công bố thông tin, minh bạch hóa các hoạt động tài chính trên thị trường chứng khoán, thỏa mãn lợi ích của nhà đầu tư.

2.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

II. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Về thù lao của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021, Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã trả tiền lương và thù lao cho Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 cụ thể như sau:

Bảng 1: Tiền lương, thưởng, thù lao của BKS thực nhận trong năm 2021

ĐVT: Tr.đồng



S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
I	Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS	472,131	59,016	-	531,147
2	Phạm Đình Tuấn ⁽¹⁾	UV BKS	-	2,824	16,942	19,766
3	Hoàng Thị Thúy	UV BKS	-	8,471	67,766	76,237
4	Trần Thu Hương ⁽²⁾	UV BKS	-	5,647	50,824	56,471
	Tổng cộng		472,131	75,958	135,533	683,622

(Số tiền trên bao gồm phần còn lại năm 2020 và phần chi theo kế hoạch năm 2021)

⁽¹⁾: Thành viên BKS đến ngày: 25/4/2021

⁽²⁾: Thành viên BKS từ ngày: 26/4/2021

2. Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

- Không có.

III. Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính của Ban kiểm soát

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán và lập các Báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp;

- Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi chế độ kế toán của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

- Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch Tổng công ty giao.

- Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán PKF, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

Bảng 2: Bảng cân đối kế toán

0422
NG
PH.
NGL
VVM
T.T.V

T	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A	Tài sản ngắn hạn	100	119.301.233.964	73.608.102.988
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	86.919.518.995	33.863.885.070
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10.000.000.000	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8.432.444.894	17.369.854.916
4	Hàng tồn kho	140	13.550.244.462	22.374.363.002
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	399.025.613	0
B	Tài sản dài hạn	200	188.222.731.923	232.604.448.109
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	484.534.717	514.780.598
2	Tài sản cố định	220	167.085.255.643	210.330.580.186
-	Tài sản cố định hữu hình	221	167.085.255.643	210.330.580.186
-	Tài sản cố định thuê tài chính	224	0	0
-	Tài sản cố định vô hình	227	0	0
3	Bất động sản đầu tư	230		0
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	162.000.000	384.623.425
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250		0
6	Tài sản dài hạn khác	260	20.490.941.563	21.374.463.900
	Tổng cộng tài sản	270	307.523.965.887	306.212.551.097
C	Nợ phải trả	300	103.620.659.561	117.319.152.287
1	Nợ ngắn hạn	310	95.636.124.844	88.795.552.665
-	Phải trả người bán ngắn hạn	311	37.445.299.256	23.741.932.684
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	394.542.979	815.112.517
-	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.362.023.139	10.514.450.703
-	Phải trả người lao động	314	38.615.028.999	37.072.199.683
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.303.122.581	3.550.305.167
-	Phải trả ngắn hạn khác	319	2.506.163.583	2.816.047.266
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	0	3.302.755.918
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	6.009.944.307	6.982.748.727
2	Nợ dài hạn	330	7.984.534.717	28.523.599.622
-	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	7.500.000.000	28.074.838.638
-	Dự phòng phải trả dài hạn	342	484.534.717	448.760.984
D	Vốn chủ sở hữu	400	203.903.306.326	188.893.398.810
1	Vốn chủ sở hữu	410	203.903.306.326	188.893.398.810
-	Vốn góp của chủ sở hữu	411	120.000.000.000	120.000.000.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	412	464.476.156	464.476.156
-	Quỹ đầu tư phát triển	418	32.114.635.437	32.114.635.437
-	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	421	51.324.194.733	36.314.287.217
	Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440	307.523.965.887	306.212.551.097

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

Bảng 3: Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	
		Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	733.785.505.193	712.934.817.500
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	21.198.637
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	733.785.505.193	712.913.618.863
4	Giá vốn hàng bán	620.235.279.233	608.177.096.417
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.550.225.960	104.736.522.446
6	Doanh thu hoạt động tài chính	249.605.666	20.365.201
7	Chi phí tài chính	1.295.168.695	4.144.182.814
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1.190.053.627</i>	<i>3.618.236.543</i>
8	Chi phí bán hàng	13.099.398.192	13.045.817.268
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.016.212.224	30.207.239.124
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	68.389.052.515	57.359.648.441
11	Thu nhập khác	586.547.640	60.013.965
12	Chi phí khác	592.225.271	0
13	Lợi nhuận khác	-5.677.631	60.013.965
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.383.374.884	57.419.662.406
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.895.232.031	11.572.812.481
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.488.142.853	45.846.849.925
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.541	4.234

4. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>				
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0,83	1,25	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
	TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
+	Hệ số thanh toán nhanh:				
	$\frac{\text{TS ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	0,58	1,11	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,38	0,34	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,62	0,51	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
+	Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng			
	$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$		34,84	34,53	
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,33	2,39	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+	Lợi nhuận biên	%			
	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$		6,43%	7,43%	
+	Tỷ suất ROE	%			
	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$		24,27%	26,72%	
+	Tỷ suất ROA	%			
	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}}$		14,97%	17,72%	
+	Tỷ suất LN từ HĐKD/DTT	%			
	$\frac{\text{LN từ hoạt động KD}}{\text{Doanh thu thuần}}$		8,05%	9,32%	

Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Năm 2021 hệ số về khả năng thanh toán nợ đến hạn đã được cải thiện > 1. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn giảm thể hiện tài sản của Công ty được sử dụng chủ yếu bằng nguồn vốn CSH, công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn.

IV. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh

nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong năm Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua bán, dịch vụ với các Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là người quản lý doanh nghiệp, bao gồm:

STT	Tên công ty, cá nhân	Nội dung giao dịch
1	Tập đoàn CN than - KS Việt Nam	- Mua than
2	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang VVMI	- Cho thuê cân cấp liệu than WD-II
3	Công ty cổ phần SX và KD vật tư thiết bị VVMI	- Mua vỏ bao
4	Công ty cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	- Mua vật tư, sửa chữa thiết bị - Sắt thép phế
5	Công ty than Khánh Hòa VVMI	- Mua đá thải
6	Công ty than Núi Hồng VVMI	- Dịch vụ
7	HTX sản xuất và KD dịch vụ Hoàng Thịnh Phát	- Bán xi măng
8	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên - VVMI	- Dịch vụ

Với các giao dịch trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch đã thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Ban kiểm soát thấy rằng trong năm 2021 việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan là Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty là người quản lý đã thực hiện đúng theo khoản 2, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

V. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành

- Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

- Trong năm 2021, HĐQT cùng Ban giám đốc và các cán bộ quản lý của các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu



thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát;

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

VI. Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

1. Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 phiên họp trực tiếp, 8 phiên họp gián tiếp (*bằng hình thức trực tuyến và xin ý kiến*); đã ban hành 59 nghị quyết, quyết định (13 nghị quyết, 36 quyết định) về các vấn đề chiến lược, các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Các phiên họp đều có sự tham dự họp và đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban giám đốc công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ hàng quý đối với Bộ máy điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động nội bộ Công ty.

- Chỉ đạo và giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT;

- Chỉ đạo và giám sát hoạt động đầu tư các dự án, chỉ đạo, đôn đốc Ban giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021;

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thường niên, báo cáo tài chính quý và năm 2021, các báo cáo quản trị doanh nghiệp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và công bằng giữa các cổ đông, tôn trọng lợi ích của các bên có liên quan.

- Các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các thông tin liên quan được công bố công khai, kịp thời trên phần mềm hệ thống IDS của UBCKNN, gửi UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội, đăng tải trên website Công ty theo đúng quy định công bố thông tin của UBCK và Quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

- HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

004
ÔN
ĐỊ
ÁNH
V
1-T

- HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Năm 2021 HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

2. Ban giám đốc:

Cùng với HĐQT, Ban giám đốc có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2021 thị trường tiêu thụ xi măng có những chuyển biến tích cực tuy nhiên mức cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt; song Ban giám đốc đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ vững thị trường hiện có, tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới. Thành công của công tác thị trường năm 2021 là Công ty vẫn giữ được cơ cấu sản phẩm xi măng bao có giá bán cao, giảm cơ cấu sản phẩm xi măng bột giá bán thấp tăng hiệu quả kinh doanh năm 2021.

+ Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, thay thế phụ gia có giá thấp trong xi măng để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

+ Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

+ Tích cực tìm các giải pháp để đầu tư cải tiến thay thế thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật thay thế thiết bị mới tốt hơn tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm. Tổ chức tốt việc bảo dưỡng, sửa chữa sự cố, sửa chữa lớn thiết bị, chủ động dừng lò và thiết bị để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch vào các thời điểm tết Nguyên Đán và mùa mưa sản lượng tiêu thụ chậm.

Kết quả năm 2021, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi

22
ĐT
TÀI
LẠI
MI
THK

nhuận trước thuế đạt 68.383,37 tr đồng/ kế hoạch 39.500 triệu đồng bằng 173,12% so với kế hoạch, cổ tức chi trả dự kiến 35%/ kế hoạch 15%.

Trong năm 2021, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

VII. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Năm 2022 dịch viêm phổi cấp Covid -19 đã được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế, tuy nhiên vẫn còn ảnh đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Bên cạnh đó tình hình căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, căng thẳng Nga - Ukraine và vấn đề chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Nền kinh tế trong nước cũng vì thế mà bị ảnh hưởng, tăng trưởng chậm lại. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi cũng phải đối mặt không ít khó khăn với thời tiết diễn biến phức tạp và dịch bệnh đã khiến Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Nguồn lực lao động đối với sự phát triển của Công ty rất quan trọng, đặc biệt là nguồn lao động có trình độ cao, đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của xã hội, cần có những biện pháp thiết thực, hữu ích, tổ chức các lớp đào tạo để nâng cao chất lượng lao động góp phần cung cấp nguồn lực chất lượng cao cho sự phát triển của Công ty. Tuyển dụng thêm lao động kỹ thuật, kinh tế có trình độ chuyên môn để đào tạo, bồi dưỡng để thay thế một số vị trí chỉ huy sản xuất ở các phân xưởng, phòng ban trong Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm. Cân đối sản xuất Clinker hợp lý để đáp ứng sản xuất xi măng, hạn chế tiêu thụ Clinker để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch, dự toán bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị hợp lý đúng định kỳ, để không biến động chi phí tại từng thời kỳ, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra sớm phát hiện các sự cố về thiết bị, công nghệ có thể xảy ra để có phương án xử lý kịp thời nhằm đưa thiết bị trở lại hoạt động sớm nhất có thể. Tìm hiểu và phân tích rõ nguyên nhân gây ra sự cố từ đó đưa ra biện pháp để

phòng nhằm hạn chế việc phải dừng nhiều lần do cùng một nguyên nhân để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng thời gian hoạt động của thiết bị.

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống; đặc biệt là thị trường tỉnh Thái Nguyên và không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn.

- Cân đối, sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi, lựa chọn thời hạn cho vay tốt nhất đem lại hiệu quả kinh tế và an toàn cho nguồn tiền gửi.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

- Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Phạm Trung Hợp

Số: 05.../BC-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI theo Quyết định số 06/QĐ-BKS ngày 26/4/2021;

Căn cứ vào bảng phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, các thành viên trong Ban Kiểm soát chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, đảm bảo tuân thủ đúng theo Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, Luật Doanh nghiệp và quy chế làm việc của Ban Kiểm soát.

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 4 cuộc họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Lần 1, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý IV và năm 2020.

+ Lần 2, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý I năm 2021;

+ Lần 3, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý II và 6 tháng đầu năm 2021.

+ Lần 4, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý III và 9 tháng đầu năm 2021.

Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

Ban Kiểm soát thường xuyên giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, kết quả kiểm tra đã được Ban Kiểm soát gửi tới HĐQT, Ban giám đốc công ty về các vấn đề còn tồn tại của đơn vị. Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên đã họp, xem xét tự đánh giá hoàn thành công việc của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:



1. Bà Nguyễn Thị Thu Hoài: Hoàn thành nhiệm vụ được phân công, tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát và giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát, thay bằng Ông Phạm Trung Hợp tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát và giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát.

Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát, tổ chức các buổi làm việc của Ban kiểm soát, xây dựng kế hoạch, nội dung tiến độ của các cuộc kiểm tra, liên hệ với các phòng, ban trong Công ty để nhận thông tin, dữ liệu phục vụ công việc của BKS, cung với Ban kiểm soát giám sát HĐQT, ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, xem xét và thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty; theo dõi hoạt động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty, tổng hợp ý kiến của các thành viên BKS, lập báo cáo hoạt động của BKS trình lên ĐHĐCĐ sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT Công ty.

2. Bà Hoàng Thị Thúy: Hoàn thành nhiệm vụ được phân công, tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động, việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với cán bộ công nhân viên trong Công ty, việc thực hiện các quy trình sản xuất, công nghệ; công tác cơ điện, an toàn, môi trường, phòng chống cháy nổ, công tác thị trường; công tác bán hàng và thu hồi công nợ, thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trưởng BKS

3. Bà Trần Thu Hương: Hoàn thành nhiệm vụ được phân công, tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát, thay Ông Phạm Đình Tuấn:

Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông về các nhiệm vụ được phân công, báo cáo và đề xuất những vấn đề liên quan đến kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản cố định và các dự án đầu tư của Công ty, theo dõi việc giao khoán, quyết toán chi phí, giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty; theo dõi việc thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự, công tác vật tư, xây dựng cơ bản của Công ty, công tác tổ chức hạch toán, luân chuyển chứng từ, tính hợp pháp, hợp lý chứng từ kế toán, việc thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước, kiểm tra, giám sát việc quản lý tiền mặt, ngân hàng, công nợ, hàng hóa, tài sản ngắn hạn của Công ty, kiểm tra việc thực hiện sản xuất kinh doanh bám sát với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, thư ký cho các cuộc họp của Ban kiểm soát, thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trưởng BKS.

Ngoài nhiệm vụ được giao, các thành viên Ban kiểm soát phải duy trì chế độ họp và làm việc kiểm tra giám sát định kỳ, thường xuyên tập hợp báo cáo về Trưởng ban kiểm soát để tổng hợp, thống nhất các ý kiến nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ đã được phân công.

4222
NG T
PH
NG LA
VVM
T. TH

Trên đây là toàn bộ nội dung 'Báo cáo đánh giá kết quả tự hoạt động của Ban kiểm soát' kính trình ĐHCĐ xem xét. BKS chúng tôi rất mong nhận được các ý kiến góp ý của các quý vị cổ đông.

T.M. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Phạm Trung Hợp


CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
NGUYỄN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19./TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán
của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021 do Công ty TNHH PKF Việt Nam lập ngày 25/2/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI.

(Có báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

TÓNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 44

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần, danh sách cổ đông như sau:

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ %</u>
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	6.165.960	51,38%
Các đối tượng khác	5.834.040	48,62%
Tổng cộng	12.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

Họ và tên:

Chức vụ:

- Ông Đỗ Huy Hùng Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Dũng Ủy viên Đến ngày 29/12/2021 (i)
- Ông Trần Quang Khải Ủy viên Từ ngày 30/12/2021 (i)
- Ông Hà Văn Chuyển Ủy viên
- Ông Trịnh Quốc Bình Ủy viên
- Bà Lê Thị Thu Hiền Ủy viên

Ban Giám đốc

Họ và tên:

Chức vụ:

- Ông Nguyễn Văn Dũng Giám đốc Đến ngày 21/11/2021 (ii)
- Ông Trần Quang Khải Quyền Giám đốc Từ ngày 22/11/2021 (iii)
- Ông Lê Bá Chức Phó Giám đốc
- Ông Vũ Ngọc Bách Phó Giám đốc Đến ngày 30/06/2021 (iv)
- Ông Phạm Mạnh Tiến Phó Giám đốc Từ ngày 15/10/2021 (v)

3213
CỔ
ÁCH N
P
VIỆ
Y XU

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thu Hoài | Trưởng ban | Đến ngày 29/12/2021 (i) |
| - Ông Phạm Trung Hợp | Trưởng ban | Từ ngày 30/12/2021 (i) |
| - Ông Phạm Đình Tuấn | Ủy viên | Đến ngày 25/04/2021 (vi) |
| - Bà Trần Thu Hương | Ủy viên | Từ ngày 26/04/2021 (vi) |
| - Bà Hoàng Thị Thúy | Ủy viên | |

- (i) Theo nghị quyết số 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2021 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI
- (ii) Theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 19/11/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI về việc thôi Giám đốc Công ty
- (iii) Theo Quyết định số 56/NQ-HĐQT ngày 19/11/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI về việc giao Quyền Giám đốc Công ty
- (iv) Theo Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI về việc miễn nhiệm Phó Giám đốc Công ty
- (v) Theo Quyết định 45/QĐ-HĐQT ngày 11/10/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty.
- (vi) Theo nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021 - Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

QUYÊN GIÁM ĐỐC



TRẦN QUANG KHÁI

Số: 05 /2022/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập ngày 25 tháng 02 năm 2022, bao gồm Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 44 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2018-242-1

M.S.D.
ÔNG
NHIỆM
PKF
ỆT N
YUAN

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.301.233.964	73.608.102.988
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	86.919.518.995	33.863.885.070
Tiền	111		26.919.518.995	33.863.885.070
Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.432.444.894	17.369.854.916
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.966.908.161	16.239.068.812
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		255.888.163	1.307.018.183
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.348.178.570	639.463.821
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(138.530.000)	(815.695.900)
Hàng tồn kho	140	5.6	13.550.244.462	22.374.363.002
Hàng tồn kho	141		13.550.244.462	22.383.939.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(9.576.705)
Tài sản ngắn hạn khác	150		399.025.613	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	107.749.798	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	291.275.815	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.222.731.923	232.604.448.109
Các khoản phải thu dài hạn	210		484.534.717	514.780.598
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	484.534.717	514.780.598
Tài sản cố định	220		167.085.255.643	210.330.580.186
TSCĐ hữu hình	221	5.8	167.085.255.643	210.330.580.186
- Nguyên giá	222		950.375.720.152	941.518.725.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(783.290.464.509)	(731.188.144.901)
TSCĐ vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		1.632.274.438	1.632.274.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Tài sản dở dang dài hạn	240		162.000.000	384.623.425
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	162.000.000	384.623.425
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		20.490.941.563	21.374.463.900
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	20.490.941.563	21.374.463.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		307.523.965.887	306.212.551.097

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		103.620.659.561	117.319.152.287
Nợ ngắn hạn	310		95.636.124.844	88.795.552.665
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	37.445.299.256	23.741.932.684
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		394.542.979	815.112.517
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.362.023.139	10.514.450.703
Phải trả người lao động	314		38.615.028.999	37.072.199.683
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	3.303.122.581	3.550.305.167
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.506.163.583	2.816.047.266
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	-	3.302.755.918
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.009.944.307	6.982.748.727
Nợ dài hạn	330		7.984.534.717	28.523.599.622
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	7.500.000.000	28.074.838.638
Dự phòng phải trả dài hạn	342		484.534.717	448.760.984
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.903.306.326	188.893.398.810
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	203.903.306.326	188.893.398.810
Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.114.635.437	32.114.635.437
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.324.194.733	36.314.287.217
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.836.051.880	2.467.437.292
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.488.142.853	33.846.849.925
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		307.523.965.887	306.212.551.097

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ HÀNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THU HOÀI

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022
 QUYỀN GIÁM ĐỐC




TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
 Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	733.785.505.193	712.934.817.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	21.198.637
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		733.785.505.193	712.913.618.863
Giá vốn hàng bán	11	6.3	620.235.279.233	608.177.096.417
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.550.225.960	104.736.522.446
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	249.605.666	20.365.201
Chi phí tài chính	22	6.5	1.295.168.695	4.144.182.814
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.190.053.627	3.618.236.543
Chi phí bán hàng	25	6.8	13.099.398.192	13.045.817.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	31.016.212.224	30.207.239.124
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68.389.052.515	57.359.648.441
Thu nhập khác	31	6.6	586.547.640	60.013.965
Chi phí khác	32	6.7	592.225.271	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5.677.631)	60.013.965
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.383.374.884	57.419.662.406
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	13.895.232.031	11.572.812.481
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		54.488.142.853	45.846.849.925
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	4.541	4.234

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

QUYÊN GIÁM ĐỐC









NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		68.383.374.884	57.419.662.406
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		52.102.319.608	47.945.599.814
Các khoản dự phòng	03		(650.968.872)	(464.042.752)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(249.605.666)	(20.365.201)
Chi phí lãi vay	06		1.190.053.627	3.618.236.543
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		120.775.173.581	108.499.090.810
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.363.168.060	9.918.593
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.833.695.245	(9.728.929.895)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		16.619.918.801	(6.645.028.610)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		775.772.539	(2.924.731.792)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.194.499.045)	(4.100.101.988)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.559.137.888)	(11.383.206.461)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		43.000.000	998.990.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.494.039.757)	(6.663.317.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		126.163.051.536	68.062.683.487
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.471.250.649)	(15.560.801.868)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		239.983.594	20.365.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.231.267.055)	(15.540.436.667)
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	27.509.042.540	277.977.566.110
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(51.386.637.096)	(290.516.788.774)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.998.556.000)	(23.792.959.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53.876.150.556)	(36.332.182.164)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		33.863.885.070	17.673.820.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		86.919.518.995	33.863.885.070

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

QUẢN GIÁM ĐỐC






NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVM tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiến, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31/12/2021, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 548 người, trong đó số nhân viên quản lý là 36 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2021, việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu chính Bình quân theo tháng
- Các hàng tồn kho còn lại Phương pháp bình quân di động

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của bán thành phẩm tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 25 năm
- Máy móc, trang thiết bị 05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Tài sản cố định khác 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, phí bảo hiểm, phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí phí đền bù giải phóng mặt bằng. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, chi phí tiền điện và chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.13 Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và thay đổi lần thứ 5 ngày 04/12/2021.

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp đủ vốn cổ phần vào Công ty theo tổng số vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, tỷ lệ thực góp là 100%.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.16 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIẾN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bàng, xã La Hiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	143.568.354	116.269.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	26.775.950.641	33.747.615.337
Các khoản tương đương tiền	(iii)	60.000.000.000	-
Cộng		86.919.518.995	33.863.885.070

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		143.568.354
Cộng		143.568.354

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		26.775.950.641
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		375.847.593
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		11.202.849.500
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		9.034.942.091
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		6.153.526.167
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		8.785.290
Cộng		26.775.950.641

(iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		60.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		25.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		35.000.000.000
Cộng		60.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Nguyên tệ	31/12/2021 VND
Đông Việt Nam		10.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		10.000.000.000
Cộng		10.000.000.000

5.3. Phải thu khách hàng

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn	6.966.908.161	16.239.068.812
Ủy ban nhân dân xã Cúc Đường	1.041.480.000	242.728.200
Ủy ban nhân dân xã Phú Thượng	665.016.000	743.608.800
Ủy ban nhân dân xã Phương Giao	706.200.000	1.537.143.300
Ủy ban nhân dân xã Liên Minh	646.800.000	1.145.179.200
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.907.412.161	12.570.409.312
b. Dài hạn	-	-
Cộng	6.966.908.161	16.239.068.812

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết tại Phụ lục số 02

5.4. Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.348.178.570	-	639.463.821	-
Phải thu người lao động	719.570.390	-	567.887.904	-
Tạm ứng	-	-	1.185.660	-
Ký quỹ, ký cược	431.640.000	-	-	-
Các khoản khác	196.968.180	-	70.390.257	-
b. Dài hạn	484.534.717	-	514.780.598	-
Ký quỹ, ký cược	484.534.717	-	514.780.598	-
Cộng	1.832.713.287	-	1.154.244.419	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5. Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	138.530.000	-	815.695.900	-
- Dưới 1 năm	-	-	-	-
- Từ 1 đến dưới 2 năm	-	-	-	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	-	-	-	-
- Từ 3 năm trở lên	138.530.000	-	815.695.900	-
<i>Công ty TNHH Yên Lạc - Bắc Kạn</i>	<i>66.780.000</i>	-	<i>66.780.000</i>	-
<i>Công ty TNHH Dương Giang Thái Nguyên</i>	-	-	<i>677.165.900</i>	-
<i>Phòng tài chính Huyện Phổ Yên</i>	<i>71.750.000</i>	-	<i>71.750.000</i>	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.569.016.775	-	6.643.597.280	(9.576.705)
Công cụ, dụng cụ	5.101.068	-	19.116.567	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.976.126.619	-	15.721.225.860	-
Cộng	13.550.244.462	-	22.383.939.707	(9.576.705)

Trong đó: Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối năm: 13.550.244.462 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	162.000.000	384.623.425
<i>Thiết kế bản vẽ thi công mỏ sét Cúc Đường</i>	162.000.000	162.000.000
<i>Chi phí tư vấn cải tạo hệ thống cấp thoát nước</i>	-	89.000.000
<i>Hệ thống cung cấp nước Công nghiệp tuần hoàn</i>	-	133.623.425
- Sửa chữa lớn	-	-
Cộng	162.000.000	384.623.425

TÓNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	325.174.133.840	548.893.721.348	44.034.828.665	23.416.041.234	941.518.725.087
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.284.935.520	2.542.931.838	29.127.707	-	8.856.995.065
- Điều chuyển nhóm	(6.000.440.902)	(60.595.923.502)	43.420.939.676	23.175.424.728	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	325.458.628.458	490.840.729.684	87.484.896.048	46.591.465.962	950.375.720.152
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	212.681.395.645	455.693.481.185	39.397.226.837	23.416.041.234	731.188.144.901
- Khấu hao trong năm	9.787.973.349	29.257.766.307	5.421.189.842	7.635.390.110	52.102.319.608
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nhóm	(4.588.276.210)	(40.578.266.002)	35.719.588.341	9.446.953.871	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	217.881.092.784	444.372.981.490	80.538.005.020	40.498.385.215	783.290.464.509
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	112.492.738.195	93.200.240.163	4.637.601.828	-	210.330.580.186
Tại ngày cuối năm	107.577.535.674	46.467.748.194	6.946.891.028	6.093.080.747	167.085.255.643
Trong đó: - Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay					145.851.293.707
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					373.549.704.412
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý					-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9. Tài sản cố định vô hình

	TSCĐVH khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.632.274.438	1.632.274.438
Số dư cuối năm	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	1.632.274.438	1.632.274.438
Số dư cuối năm	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:		-
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		1.632.274.438

5.10. Chi phí trả trước

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn	107.749.798	-
Bảo hiểm ô tô	107.749.798	-
b. Dài hạn	20.490.941.563	21.374.463.900
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	6.497.407.528	6.053.912.637
Phí sử dụng tài liệu	1.143.651.009	1.218.524.757
Phí bảo lãnh hợp đồng vay vốn	315.345.206	-
Chi phí sửa chữa tuyến đường từ Mỏ Đồng Chuông ra Quốc lộ 1B	-	847.029.997
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	12.534.537.820	13.254.996.509
Cộng	20.598.691.361	21.374.463.900

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	10.000.000	10.000.000	24.124.069.324	24.134.069.324	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	20.097.619.206	20.097.619.206	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	10.000.000	10.000.000	-	10.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	-	4.026.450.118	4.026.450.118	-	-
b. Gốc vay dài hạn	31.367.594.556	31.367.594.556	3.384.973.216	27.252.567.772	7.500.000.000	7.500.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	31.367.594.556	31.367.594.556	3.384.973.216	27.252.567.772	7.500.000.000	7.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Vay cá nhân	21.867.594.556	21.867.594.556	3.384.973.216	25.252.567.772	-	-
Cộng	31.377.594.556	31.377.594.556	27.509.042.540	51.386.637.096	7.500.000.000	7.500.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	01/01/2021 (VND)		31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	3.292.755.918	3.292.755.918	-	-
Vay cá nhân	3.292.755.918	3.292.755.918	-	-
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	31.377.594.556	31.377.594.556	7.500.000.000	7.500.000.000
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	3.302.755.918	3.302.755.918	-	-
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	28.074.838.638	28.074.838.638	7.500.000.000	7.500.000.000

5.12. Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	37.445.299.256	37.445.299.256	23.741.932.684	23.741.932.684
Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà	5.390.000.000	5.390.000.000	2.601.520.000	2.601.520.000
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bắc Thái	4.203.149.296	4.203.149.296	2.579.885.257	2.579.885.257
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	3.670.590.000	3.670.590.000	-	-
Công ty TNHH Vân Long	2.810.959.150	2.810.959.150	866.697.850	866.697.850
Công ty TNHH Bình Dương	2.025.640.730	2.025.640.730	1.622.129.704	1.622.129.704
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng dân dụng Công nghiệp Hà Nội	1.973.769.749	1.973.769.749	-	-
Công ty CP Đá ốp lát và Vật liệu xây dựng	1.476.162.360	1.476.162.360	1.261.624.170	1.261.624.170
Công ty TNHH Kim khí Thanh An	907.434.320	907.434.320	568.805.270	568.805.270
Các nhà cung cấp khác	14.987.593.651	14.987.593.651	14.241.270.433	14.241.270.433
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	37.445.299.256	37.445.299.256	23.741.932.684	23.741.932.684
c. Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết tại phụ lục số 02				

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	3.033.583.083	25.181.892.508	24.885.219.553	3.330.256.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.200.797.658	14.253.572.261	17.559.137.888	2.895.232.031
Thuế thu nhập cá nhân	339.295.263	1.359.997.828	1.354.755.886	344.537.205
Thuế tài nguyên	711.293.687	4.242.238.495	4.349.794.618	603.737.564
Thuế đất và tiền thuê đất	-	681.524.451	681.524.451	-
Quyền khai thác khoáng sản	-	2.722.187.575	2.722.187.575	-
Phí bảo vệ môi trường	229.481.012	1.334.421.795	1.375.642.506	188.260.301
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	144.885.041	144.885.041	-
Cộng	10.514.450.703	49.923.719.954	53.076.147.518	7.362.023.139

5.14. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2021 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021 (VND)
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-	291.275.815	291.275.815
Cộng	-	-	291.275.815	291.275.815

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bàng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
a. Ngắn hạn	3.303.122.581	3.550.305.167
Lãi vay	-	1.004.445.418
Chi phí điện năng tiêu thụ	2.403.336.164	1.715.711.460
Các khoản khác	899.786.417	830.148.289
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>3.303.122.581</u>	<u>3.550.305.167</u>

5.16. Phải trả khác

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
a. Ngắn hạn	2.506.163.583	2.816.047.266
Cổ tức trả cổ đông	460.303.250	458.859.250
Các khoản khác	2.045.860.333	2.357.188.016
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>2.506.163.583</u>	<u>2.816.047.266</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	42.171.238.526	174.750.350.119
Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	45.846.849.925	45.846.849.925
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(51.703.801.234)	(51.703.801.234)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	120.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	36.314.287.217	188.893.398.810
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	54.488.142.853	54.488.142.853
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(39.478.235.337)	(39.478.235.337)
Số dư cuối năm	120.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	51.324.194.733	203.903.306.326

(i) Tổng lợi nhuận phân phối trong năm 2021 là 39.478.235.337 đồng, trong đó:

- Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI ngày 26/04/2021, phân phối 30.000.000.000 đồng lợi nhuận năm 2020 (trong đó đã tạm ứng 12.000.000.000 đồng trong năm 2020 và chi bổ sung 18.000.000.000 đồng trong năm 2021), trích quỹ khen thưởng phúc lợi 9.478.235.337 đồng.
- Theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 10/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI, tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2021 theo tỷ lệ thực hiện là 10%/Vốn điều lệ tương đương với 12.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bàng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	61.659.600.000	61.659.600.000
Vốn góp của đối tượng khác	58.340.400.000	58.340.400.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	20.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	30.000.000.000	44.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	32.114.635.437	32.114.635.437

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Doanh thu bán hàng	731.076.712.004	711.095.912.179
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.708.793.189	1.838.905.321
Cộng	733.785.505.193	712.934.817.500

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chiết khấu thương mại	-	21.198.637
Cộng	-	21.198.637

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	618.952.865.423	607.714.573.306
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.291.990.515	574.697.172
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.576.705)	(112.174.061)
Cộng	620.235.279.233	608.177.096.417

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi	239.983.594	8.765.879
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.622.072	11.599.322
Cộng	249.605.666	20.365.201

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền vay	1.190.053.627	3.618.236.543
Chi phí tài chính khác	105.115.068	525.946.271
Cộng	1.295.168.695	4.144.182.814

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Các khoản khác	586.547.640	60.013.965
Cộng	586.547.640	60.013.965

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Truy thu thuế	358.340.230	-
Tiền phạt thuế	144.885.041	-
Các khoản khác	89.000.000	-
Cộng	592.225.271	-

6.8 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.693.378.124	30.593.489.105
Chi phí nhân viên	20.669.388.000	17.992.380.045
Chi phí vật liệu	1.414.676.052	689.124.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.173.553.128	1.284.958.851
Chi phí khác bằng tiền	8.435.760.944	10.627.026.172
b. Chi phí bán hàng	13.099.398.192	13.045.817.268
Chi phí nhân viên	6.591.517.925	5.664.846.465
Chi phí vật liệu	3.091.957.969	3.333.347.983
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.585.799	27.585.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	987.174.812	1.157.675.846
Chi phí khác bằng tiền	2.401.161.687	2.862.361.175
c. Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	(677.165.900)	(386.249.981)
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(677.165.900)	(386.249.981)
Cộng	44.115.610.416	43.253.056.392

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2021</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2020</u> <u>(VND)</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	440.958.482.239	461.665.218.499
Chi phí nhân công	106.343.744.119	99.380.714.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.102.319.608	47.945.599.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.989.386.408	28.171.451.402
Chi phí khác bằng tiền	24.645.919.994	27.379.374.846
Cộng	<u>662.039.852.368</u>	<u>664.542.359.097</u>

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2021</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2020</u> <u>(VND)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.383.374.884	57.419.662.406
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	1.092.785.271	444.400.000
<i>Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>430.560.000</i>	<i>374.400.000</i>
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>662.225.271</i>	<i>70.000.000</i>
- Thu nhập chịu thuế	69.476.160.155	57.864.062.406
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	69.476.160.155	57.864.062.406
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.895.232.031	11.572.812.481
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>13.895.232.031</u>	<u>11.572.812.481</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	54.488.142.853	45.846.849.925
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	54.488.142.853	45.846.849.925
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	10.827.397
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.541	4.234

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 27.509.042.540 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 51.386.637.096 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch vay, trả nợ gốc vay, mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2021			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.919.518.995	-	86.919.518.995
Phải thu khách hàng	6.966.908.161	-	6.966.908.161
Đầu tư	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khác	1.348.178.570	484.534.717	1.832.713.287
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(138.530.000)	-	(138.530.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	105.096.075.726	484.534.717	105.580.610.443
Ngày 31/12/2021			
Các khoản vay và nợ	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải trả người bán	37.445.299.256	-	37.445.299.256
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	5.809.286.164	-	5.809.286.164
Tổng cộng	43.254.585.420	7.500.000.000	50.754.585.420
Chênh lệch thanh khoản thuần	61.841.490.306	(7.015.465.283)	54.826.025.023

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.863.885.070	-	33.863.885.070
Phải thu khách hàng	16.239.068.812	-	16.239.068.812
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	638.278.161	514.780.598	1.153.058.759
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(815.695.900)	-	(815.695.900)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	49.925.536.143	514.780.598	50.440.316.741
Ngày 01/01/2021			
Các khoản vay và nợ	3.302.755.918	28.074.838.638	31.377.594.556
Phải trả người bán	23.741.932.684	-	23.741.932.684
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	6.366.352.433	-	6.366.352.433
Tổng cộng	33.411.041.035	28.074.838.638	61.485.879.673
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.514.495.108	(27.560.058.040)	(11.045.562.932)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	6.966.908.161	16.239.068.812	6.828.378.161	15.423.372.912
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.832.713.287	1.153.058.759	1.832.713.287	1.153.058.759
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	86.919.518.995	33.863.885.070	86.919.518.995	33.863.885.070
Tổng cộng	105.719.140.443	51.256.012.641	105.580.610.443	50.440.316.741
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	7.500.000.000	31.377.594.556	7.500.000.000	31.377.594.556
<i>Phải trả người bán</i>	37.445.299.256	23.741.932.684	37.445.299.256	23.741.932.684
<i>Phải trả khác</i>	5.809.286.164	6.366.352.433	5.809.286.164	6.366.352.433
Tổng cộng	50.754.585.420	61.485.879.673	50.754.585.420	61.485.879.673

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker (chiếm 99,63% tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm tài chính), do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện tại các phụ lục đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục số 01: Bảng kê giao dịch mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan
- Phụ lục số 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

	Năm 2021 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	2.019.110.767
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	442.461.109
Thù lao, lương và thưởng của Ban Kiểm soát	683.622.124
Tổng cộng	3.145.194.000

8.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

QUYÊN GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

BẢNG KÊ GIAO DỊCH MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
A	Tổng mua	169.409.103.008
1	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	40.954.256.000
	Võ bao	40.954.256.000
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	3.575.867.829
	Vật tư, vật liệu nổ	308.923.550
	Dịch vụ vận chuyển vật liệu nổ, nổ mìn	3.266.944.279
3	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	891.377.660
	Vật tư, dầu mỡ nhờn	891.377.660
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	520.880.000
	Vật tư	519.180.000
	Dịch vụ sửa chữa	1.700.000
5	Công ty Than Khánh Hoà - VVMI	3.437.170.800
	Đá thải	3.437.170.800
6	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	41.776.363
	Dịch vụ cho thuê hội trường, ăn uống	41.776.363
7	Trường cao Đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam	219.289.500
	Dịch vụ đào tạo	219.289.500
8	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV - CTCP	337.231.291
	Dịch vụ	337.231.291
9	Công ty CP khách sạn Thái Nguyên VVMI	29.723.636
	Dịch vụ cho thuê hội trường, phòng nghỉ, ăn uống	29.723.636
10	Công ty CP Phát triển Công nghệ và Thiết bị mỏ	36.719.777
	Dịch vụ thẩm định thiết bị điện	36.719.777
11	Trường Quản trị Kinh Doanh - Vinacomin	77.898.816
	Dịch vụ đào tạo	77.898.816
12	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	118.953.728.200
	Than cám	118.953.728.200
13	Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	333.183.136
	Dịch vụ tư vấn	333.183.136
B	Tổng bán	360.000.000
1	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	360.000.000
	Dịch vụ	360.000.000

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

QUYỀN GIÁM ĐỐC









NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ			
		131	138	331	338
A	PHẢI THU	99.000.000	-	255.819.163	-
I	NGẮN HẠN	99.000.000	-	255.819.163	-
1	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	99.000.000	-	-	-
2	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	255.819.163	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-
B	PHẢI TRẢ	-	-	4.807.118.865	-
I	NGẮN HẠN	-	-	4.807.118.865	-
1	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	-	3.670.590.000	-
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	-	-	822.778.835	-
3	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	-	-	173.302.030	-
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	140.448.000	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THU HOÀI

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

QUYỀN GIÁM ĐỐC




TRẦN QUANG KHẢI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20../TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2021 của
Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	63.324.194.733
	Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang	"	8.836.051.880
	- Lợi nhuận năm nay	"	54.488.142.853
2	Trích lập các quỹ	"	
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	"	9.042.509.999
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1,8 tháng lương bq)	"	11.942.618.734
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2021 của Công ty	Đồng	79.762.188.944
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	"	6.646.849.078
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	1,80
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (b4=b2*b3)	Đồng	11.942.618.734
	Trong đó:		
b4.1	Quỹ khen thưởng (=b4 x 30%)	Đồng	3.582.785.620
b4.2	Quỹ phúc lợi (=b4*70%)	Đồng	8.359.833.114
c	Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương viên chức quản lý và phụ cấp)	"	339.066.000



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
	quản lý không chuyên trách)		
c1	Quỹ lương thực hiện BQ 1 tháng của NQL DN năm 2021	Đồng	226.044.000
c2	Số tháng lương được trích tối đa (1.5 tháng lương)	Tháng	1,50
c3	Mức trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp (c3=c1*c2)	Đồng	339.066.000
3	Phương án trả cổ tức năm 2021		
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm	%	15,00
b	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	35,00
c	Số tiền trả cổ tức	Đồng	42.000.000.000
4	Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên	Đồng	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

TỜ TRÌNH

**Về việc quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021
và kế hoạch chi trả năm 2022**



Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao năm 2022 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Quyết toán chi trả thù lao năm 2021

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	89.107.200
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	74.880.000
3	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	74.880.000
4	Hà Văn Chuyên	Thành viên HĐQT	74.880.000
5	Trịnh Quốc Bình	Thành viên HĐQT	74.880.000
6	Hoàng Thị Thúy	Ủy viên BKS	67.766.400
7	Phạm Đình Tuấn (*)	Ủy viên BKS	22.588.800
8	Trần Thu Hương (**)	Ủy viên BKS	45.177.600
	Tổng cộng		524.160.000

Trong đó:

(*) Ủy viên BKS đến ngày 25/04/2021

(**) Ủy viên BKS từ ngày 26/04/2021

2. Phương án chi trả phụ cấp cho HĐQT, BKS năm 2022 (Mức chi trả thù lao là 20% mức tiền lương của VCQL, căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các VCQL được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng) dự kiến như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	KH(đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	
3	Ủy viên BKS	2	4.000.000	

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng



TỜ TRÌNH

**Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập
Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI xin báo cáo trước Đại hội về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022 như sau:

1. Đề xuất danh sách công ty kiểm toán:

Đề đảm bảo lựa chọn được Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh thực hiện kiểm toán/soát xét BCTC của Công ty. Ban kiểm soát xin đề xuất danh sách Công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH PKF Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- Công ty TNHH kiểm toán VACO.
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Lý do lựa chọn:

- Là những công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ kiểm toán.

2. Đề xuất về việc lựa chọn công ty kiểm toán:

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu HSĐH, TK.



TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2022
của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2022 cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	740.000
2	Doanh thu	Triệu đồng	680.279
3	Nộp NS nhà nước	Triệu đồng	42.584
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	56.000
5	Trả cổ tức	%	25
6	Lao động thực tế	Người	552
7	Thu nhập bình quân	Đồng/ng/tháng	11.750.000

2. Kế hoạch ĐTXD năm 2022:

ĐVT: tr.đồng

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Chuẩn bị đầu tư (1+2):			910
1	Lập dự án cải tạo tháp trao đổi nhiệt lò 2	HT	1	860
2	Lập BCKTKT Trạm cân 120 tấn	HT	1	50



STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
II	Dự phòng (1+2+3):			16.053
1	Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn (tạm tính 50%)	HT	1	835
2	Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II	HT	1	6.953
2.1	Thiết bị			6.901
2.2	Kiểm toán			52
3	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022.			8.266
3.1	Thiết bị quang phổ huỳnh quang tia X	Cái		4.556
3.2	Máy xúc đào bánh lốp dung tích gầu $\geq 1m^3$	Cái		3.650
3.3	Kiểm toán			60
	Tổng cộng (I+II)			16.963

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23.../TTTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua hợp đồng giao dịch
với người có liên quan của Công ty năm 2022

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;

Để chủ động trong việc mua sắm nhiên liệu phục vụ sản xuất của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp đồng giao dịch với người có liên quan, hợp đồng mua bán lớn (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp) như sau:

1. Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

(Có dự thảo hợp đồng kèm theo)

2. Giao cho Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI ký kết hợp đồng với người liên quan của công ty để phục vụ SXKD trong năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ THẢO)



HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN

NĂM 2022

**GIỮA TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số: /HĐ/TKV-XMLH

- Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng và khả năng cung cấp của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

I. BÊN BÁN:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

(dưới đây viết tắt là TKV)

Địa chỉ: số 226, Đường Lê Duẩn, Hà Nội;

Điện thoại: 024.38564144; 024.35180141; Fax: 024.35182041;
024.38510724;

Tài khoản số: 110000135108 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Chi nhánh Ba Đình và/hoặc

Tài khoản số: 16010000031422 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 3

Mã số thuế: 5700 100256

Đại diện là: Ông Lê Quang Dũng, chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Giấy uỷ quyền số 104/UQ - KP ngày 30/12/2021 do ông Đặng Thanh Hải - Tổng giám đốc ký.

I. BÊN MUA:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

(dưới đây viết tắt là XMLH)

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

Điện thoại: 0208.3829.154; Fax: 0208.3829.056;

Tài khoản số: 39010000000429, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Nguyên;

Mã số thuế: 4600422240;

Đại diện là: Ông Trần Quang Khải, chức vụ: Quyền Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán than năm 2022 với các điều khoản cụ thể dưới đây:

Điều 1. Chung loại, khối lượng, chất lượng:

1.1 .Chung loại: Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6)

1.2. Khối lượng: **85.000 +/-10%** (tấn).

1.3. Chất lượng: Theo tiêu chuẩn quốc gia hiện hành TCVN 8910:2020 và thoả thuận khác giữa hai bên.

1.3.1. Các chỉ tiêu chất lượng cụ thể:

Các chỉ tiêu	Than cám 5a.6
1. Cỡ hạt (mm):	<25
Tỷ lệ trên cỡ tối đa (%):	10
2. Độ tro khô A^k (%):	
Trung bình:	29,00
Giới hạn:	27,01 ÷ 31,00
3. Độ ẩm toàn phần w^{tp} (%):	
Trung bình:	10,50
Không lớn hơn:	14,00
4. Chất bốc khô v^k (%):	
Trung bình:	12,00
Không lớn hơn:	14,00
5. Lưu huỳnh chung khô s^{ch} (%):	
Trung bình:	2,00
Không lớn hơn:	3,00
6. Trị số toả nhiệt toàn phần khô Q^k (cal/g):	
Không nhỏ hơn:	5.350

1.3.2. Thỏa thuận khác:

(a) Độ ẩm toàn phần (W^{tp}) để giao nhận: theo thực tế

(b) Độ ẩm toàn phần (W^{tp}) để xác định khối lượng than thanh toán:

+ Độ ẩm để xác định khối lượng than thanh toán: là độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 (10,5%), các lô hàng có độ ẩm toàn phần khác 10,5 sẽ được quy về 10,5% để xác định khối lượng than thanh toán.

Điều 2. Điều kiện giao hàng

2.1. Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được Bên Bán giao cho Bên Mua trên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho Bên Bán (kho mỏ Khánh Hoà).

2.2. Chuyển rủi ro: Rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hoá được chuyển cho Bên Mua kể từ khi hàng hoá được xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho của Bên Bán.

2.3. Xác định và chấp nhận về chất lượng và khối lượng:

2.3.1. Xác định và chấp nhận về chất lượng:

a) Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu theo tiêu chuẩn hiện hành (TCVN 8910:2020). Hai bên tiến hành lấy mẫu đồng tại kho Bên Bán, mỗi đồng lấy một mẫu chung. Mẫu

104222
ÔNG
PHI
ANG L
VVM
S.T. T.V

được chia thành 03 phần: 01 mẫu giao cho Bên Mua, 01 mẫu giao cho Bên Bán, 01 mẫu để lưu. Mẫu lưu phải được đại diện hai bên cùng niêm phong, giao cho Bên Bán giữ và bảo quản. Bên Mua phân tích mẫu và gửi kết quả phân tích cho Bên Bán trong vòng 01 ngày (24 giờ) sau khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu than được thực hiện theo các TCVN hiện hành.

Nếu chất lượng than đảm bảo như quy định tại khoản 1.3 thì hai bên tổ chức giao nhận than. Bên Mua cử cán bộ giám sát quá trình bốc hàng lên xe tại kho Bên Bán từ khi bắt đầu giao nhận đến khi kết thúc giao nhận lô hàng.

Trong quá trình giao nhận, nếu phát hiện bất thường về chất lượng than, đại diện Bên Mua phải thông báo ngay cho Bên Bán để xử lý. Trong trường hợp này, hai bên tạm dừng việc giao nhận cho đến khi thống nhất giải quyết về chất lượng than.

b) Trường hợp kết quả phân tích của các bên có sai lệch mà hai bên không thoả thuận được, thì xử lý theo một trong hai cách sau:

- Mẫu lưu (còn nguyên niêm phong) được đại diện hai bên cùng phân tích lại tại phòng thí nghiệm của Bên Bán. Kết quả phân tích này là cơ sở để xác định chất lượng lô hàng.

- Hai bên tiến hành lấy mẫu lại trên đồng và cùng phối hợp phân tích chất lượng than tại phòng thí nghiệm của Bên Bán.

- Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

2.3.2- Xác định và chấp nhận về khối lượng:

a) Khối lượng than được xác định qua cân tại kho Bên Bán.

b) Độ ẩm:

- + Độ ẩm giao hàng: Theo độ ẩm thực tế. Mẫu độ ẩm được hai bên lấy mẫu và phân tích hàng ngày.

- + Độ ẩm để tính khối lượng than thanh toán là độ ẩm trung bình theo TCVN hiện hành.

- + Khối lượng than thanh toán được xác định theo công thức:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - w^{p_t}}{100 - w^{p_0}}$$

Trong đó:

G_q : Khối lượng than thanh toán tương ứng độ ẩm trung bình của than.

G_t : Khối lượng thực tế giao hàng qua cân tại kho Bên Bán và tương ứng độ ẩm thực tế.

w^{p_t} : Độ ẩm thực tế của than theo phân tích của Bên Mua và được Bên Bán thống nhất.

w^{p_0} : Là độ ẩm trung bình của than theo TCVN 8910:2020

2.4- Biên bản giao nhận than:

Hàng ngày, hai bên tập hợp khối lượng, chủng loại than giao nhận của ngày trước đó bằng một biên bản kèm bảng kê chi tiết làm cơ sở xác định khoản tiền thanh toán.

- Biên bản giao nhận than được lập trước 09:00 hàng ngày cho khối lượng than giao nhận trong ngày trước đó.

Điều 3. Tiến độ giao hàng

3.1- Khối lượng than theo hợp đồng sẽ được Bên Bán giao bình quân cho Bên Mua trong thời gian hợp đồng, trừ khi có thỏa thuận khác.

3.2- Trước ngày 20 hàng tháng, Bên Mua gửi cho Bên Bán đăng ký nhận than của tháng sau về khối lượng, chủng loại. Căn cứ đề nghị của Bên Mua, Bên Bán sẽ cân đối và thông báo bằng văn bản cho Bên Mua về kế hoạch giao hàng trước ngày 05 của tháng thực hiện.

3.3- Nếu Bên Mua không gửi đăng ký nhu cầu than thì Bên Mua được coi là không có yêu cầu nhận than tháng kế tiếp.

3.4- Lịch giao hàng cụ thể do Bên Mua và đơn vị giao hàng (do Bên Bán uỷ quyền theo mục 6.1 dưới đây) thống nhất hàng tháng.

Điều 4. Phương tiện vận chuyển than:

Than được vận chuyển bằng ô tô do Bên Mua thu xếp đến nhận than tại kho mỏ của Bên Bán.

Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu, có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo quy định hiện hành và đủ các điều kiện để giao nhận hàng, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của Bên Bán tại các địa điểm giao nhận trong suốt thời gian kể từ khi phương tiện đến địa điểm giao nhận chờ làm hàng đến khi làm hàng xong.

Điều 5. Đơn giá, thanh toán

5.1- Giá than giao trên phương tiện của Bên Mua tại kho của Bên Bán thực hiện theo bảng giá bán than trong nước do TKV công bố từng thời điểm.

- Giá than (chưa bao gồm thuế GTGT) tại thời điểm ký hợp đồng thực hiện theo quyết định số 2288/QĐ-TKV ngày 31/12/2021, cụ thể:

+ Than cám 5a.6: 1.412.000 đồng/tấn

- Các bên thống nhất đồng ý rằng, giá bán than quy định tại Điều này có thể được thay đổi theo quyết định của Bên Bán phù hợp với quy định hiện hành. Trong trường hợp Bên Bán thay đổi giá bán than trong quá trình thực hiện Hợp đồng, giá than mua bán theo Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo giá mới theo quyết định thay đổi giá bán bởi Bên Bán. Mọi quyết định thay đổi giá bán than của Bên Bán là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

- Đối với các cơ chế khuyến khích tiêu thụ của Bên Bán tại từng thời điểm (nếu có), Bên Bán sẽ gửi cho Bên Mua thông báo bằng văn bản để phối hợp triển khai thực hiện mà không cần phải lập Phụ lục hợp đồng.

5.2- Thủ tục thanh toán:

Không muộn hơn 01 ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc giao nhận lô hàng tại kho mở, Bên Bán gửi cho Bên Mua bộ chứng từ thanh toán, bao gồm:

Bộ chứng từ thanh toán gồm:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng (được cấp cho từng xe ô tô).
- + Giấy chứng nhận giám định chất lượng (cấp theo lô hàng).
- + Biên bản giao nhận than giữa đại diện hai bên kèm bảng kê chi tiết.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên Bán được ghi trong hợp đồng này hoặc ngân hàng do hai bên thỏa thuận.

5.4. Phương thức, thời hạn thanh toán: Trả tiền trước khi xếp hàng

Bên Mua thực hiện thanh toán theo phương thức trả trước tiền mua than, cụ thể:

+ Bên Mua chuyển trước vào tài khoản Bên Bán số tiền mua than tương ứng khối lượng của từng đợt giao hàng trong tháng, đảm bảo tiền về tài khoản của Bên Bán trước khi hàng được xếp lên phương tiện.

+ Bên Bán chỉ giao than cho Bên Mua với khối lượng than có tổng trị giá không vượt quá số tiền Bên Mua đã chuyển trả trước cho Bên Bán.

+ Sau khi xếp hàng lên phương tiện, nếu khối lượng thanh toán (khối lượng giao nhận được quy đổi theo độ ẩm trung bình của than theo TCVN) lớn hơn khối lượng thực tế giao nhận, làm trị giá lô hàng lớn hơn số tiền Bên Mua đã chuyển trả trước, trong vòng 07 ngày lịch kể từ ngày ký Biên bản giao nhận than, Bên Mua có trách nhiệm chuyển bổ sung cho Bên Bán số tiền tương ứng với khối lượng than tăng thêm (do quy đổi độ ẩm).

+ Nếu quá thời hạn nêu trên, Bên Mua vẫn chưa trả cho Bên Bán số tiền tương ứng với khối lượng than tăng thêm do quy đổi độ ẩm, Bên Mua phải trả cho Bên Bán tiền lãi trả chậm bằng 1,5 lần lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank - Chi nhánh Hoàn Kiếm) công bố từng thời điểm đối với số tiền và thời gian thanh toán chậm.

+ Trường hợp Bên Mua không đảm bảo thanh toán tiền trước khi giao hàng theo như quy định của hợp đồng này, Bên Bán có quyền ngừng cấp than.

+ Bên Bán chỉ tiếp tục giao hàng cho Bên Mua sau khi đã nhận đủ số tiền còn thiếu, tiền lãi chậm trả (nếu có) và khoản tiền trả trước cho lô hàng tiếp theo.

+ Trước ngày 10 hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và công nợ phát sinh trong tháng trước đó và xác định số tiền và thời gian thanh toán chậm (nếu có) để làm căn cứ tính tiền lãi chậm trả.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

6.1- Bên Bán:

+ Đảm bảo đủ nguồn hàng để giao than cho Bên Mua đúng khối lượng, chất lượng và tiến độ đã thỏa thuận.

+ Tạo điều kiện cho phương tiện của Bên Mua vào kho, bãi nhận hàng thuận lợi.

+ Giao công ty Kho vận và cảng cảng Phả-Vinacomin (mã số thuế:

5700100256001) thay mặt Bên Bán tổ chức thực hiện giao than và cấp hoá đơn giá trị gia tăng cho Bên Mua, đối chiếu khối lượng hàng hóa, công nợ và phối hợp với Bên Mua để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Thuê và chịu trách nhiệm thanh toán phí cho Công ty cổ phần giám định-Vinacomin (Quacontrol) phối hợp cùng giám định Bên Mua giám định khối lượng, lấy mẫu than, phân tích và cấp chứng thư giám định khối lượng, chất lượng tại cảng xếp hàng; phối hợp với giám định Bên Mua giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc giám định khối lượng, chất lượng than tại cảng xếp hàng.

6.2- Bên Mua:

+ Bố trí đủ xe nhận than theo lịch và tiến độ thỏa thuận hàng tháng. Xe vào bãi nhận hàng phải tuân thủ đúng các qui định của Bên Bán.

+ Kiểm soát, quản lý an toàn hàng hoá trên đường vận chuyển từ kho bên bán về nơi sử dụng

+ Thanh toán tiền trước khi giao hàng cho Bên Bán đúng theo quy định của hợp đồng.

+ Chỉ sử dụng khối lượng than mua theo hợp đồng này để sản xuất clinker của đơn vị mình, không bán cho đơn vị khác.

Điều 7. Bất khả kháng

7.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại mục 7.1 của Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7.3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với



Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiên nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 7.5 dưới đây.

7.4. Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 60 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 7.5 của Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp

8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp giải quyết, trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên.

8.2. Trường hợp hai bên đã nỗ lực cao nhất mà không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

122,
G T
PHÁ
GLA
VMI
C TH

Điều 9. Điều khoản thi hành

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận.

9.2. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của các bên và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của TKV.

9.3. Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý mà không cần lập văn bản sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

9.4. Hợp đồng này có hiệu lực thực hiện từ/...../2022 đến hết ngày/...../2022 và được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 05 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

TRẦN QUANG KHẢI

LÊ QUANG DŨNG

